



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 30/2026
Từ 03/8- 07/8/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ LÊ MINH HƯNG: QUYẾT TÂM XÂY DỰNG MỘT KHÔNG GIAN MẠNG AN TOÀN, TIN CẬY VÀ NHÂN VĂN

Sáng ngày 06/8/2026, tại trụ sở Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Bộ Công an), đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo An ninh mạng quốc gia chủ trì Lễ Mít tinh kỷ niệm ngày An ninh mạng Việt Nam.



Thủ tướng Lê Minh Hưng và các đại biểu thực hiện nghi thức phát động hưởng ứng Ngày An ninh mạng Việt Nam. Ảnh: Phạm Kiên - TTXVN

Đây là sự kiện trong chuỗi các hoạt động hưởng ứng Ngày An ninh mạng Việt Nam (6/8/2024 - 6/8/2026), do Ban Chỉ đạo An ninh mạng quốc gia phối hợp Bộ Công an tổ chức với chủ đề xuyên suốt: “Vì một không gian mạng nhân văn cho mỗi người”, được kết nối trực tuyến tới điểm cầu Tiểu ban An ninh mạng tại 34 địa phương.

Bảo đảm an ninh mạng phải gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa “bảo vệ hệ thống” và “bảo vệ con người”

Phát biểu tại sự kiện, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nêu rõ, việc Thủ tướng Chính phủ quyết định lấy ngày 6/8 hằng năm là Ngày An ninh mạng Việt Nam là quyết định quan trọng, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với một lĩnh vực trọng yếu của đất nước; đồng thời là dịp để chúng ta kêu gọi cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và mỗi người dân cùng chung tay xây dựng một không gian mạng an toàn, lành mạnh, tin cậy và nhân văn.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của an ninh mạng ngày càng được nâng cao; hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện; năng lực ứng phó, bảo vệ các hệ thống thông tin trọng yếu của cơ quan nhà nước và không gian mạng quốc gia được tăng cường, nhất là trong quá trình thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; hợp tác quốc tế được đẩy mạnh và mở rộng, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Người đứng đầu Chính phủ khẳng định những kết quả đạt được là rất đáng trân trọng, nhưng chúng ta tuyệt đối không được chủ quan, thỏa mãn mà cần nhìn thẳng vào những tồn tại, hạn chế để ứng phó chủ động, hiệu quả hơn với những thách thức ngày càng phức tạp trên không gian mạng.

Công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu vẫn còn những bất cập, chưa theo kịp tốc độ phát triển của chuyển đổi số; nhận thức của cán bộ, công chức và người dân còn chưa đồng bộ; hạ tầng số, nhân lực và năng lực làm chủ công nghệ an ninh mạng còn hạn chế. Tội phạm mạng, tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến, xâm phạm dữ liệu cá nhân diễn biến ngày càng phức tạp, tác động trực tiếp đến đời sống của người dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và an ninh quốc gia.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, chúng ta đang bước vào kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định đây là động lực chính để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế quốc gia, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định rõ: Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo yêu cầu toàn hệ thống chính trị cùng cộng đồng xã hội **tập trung thực hiện tốt 5 nhiệm vụ trọng tâm.**

Thứ nhất, bảo đảm an ninh mạng phải gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa “bảo vệ hệ thống” và “bảo vệ con người”, với mục tiêu là lấy sự an toàn, bình yên và hạnh phúc của nhân dân làm thước đo cao nhất cho mọi chính sách. Đây cũng chính là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của thông điệp Ngày An ninh mạng năm nay: “Vì một không gian mạng nhân văn cho mỗi người”.

Thứ hai, các bộ, ngành, địa phương phải thể hiện rõ vai trò kiến tạo; Ban Chỉ đạo An ninh mạng quốc gia phát huy vai trò điều phối; tập trung hoàn thiện hành lang pháp lý, tháo gỡ các điểm nghẽn về an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; xây dựng chế tài đủ mạnh để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng, bảo đảm môi trường số an toàn, lành mạnh và đáng tin cậy. Mỗi chính sách được ban hành phải lấy sự an toàn, thuận lợi của người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Thứ ba, các lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng phải giữ vững vai trò “lá chắn thép” bảo vệ vững chắc chủ quyền số quốc gia. Chuyển mạnh phương thức hoạt động từ ứng phó thụ động sang chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa. Nâng cao năng lực, chủ động nắm chắc

và dự báo tình hình, phối hợp hiệp đồng, phòng ngừa, đấu tranh triệt phá các đường dây tội phạm mạng sử dụng công nghệ cao, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, giữ gìn môi trường số an toàn, văn minh, nhân văn cho nhân dân.

Thứ tư, cộng đồng doanh nghiệp công nghệ, viễn thông và tài chính phải xác định sứ mệnh đồng hành và gánh vác trách nhiệm xã hội. Các doanh nghiệp, các ngân hàng phải chủ động chuyển dịch sang kiến trúc bảo mật lấy con người làm trung tâm; tích hợp sẵn các tính năng bảo vệ, cảnh báo lừa đảo tự động hoàn toàn miễn phí cho người dùng. Chủ động nghiên cứu làm chủ khoa học, công nghệ để mang lại sự đơn giản, an toàn tuyệt đối cho người dân.

Thứ năm, mỗi người dân cần tự trang bị kỹ năng số, nâng cao nhận thức, khả năng tự bảo vệ và ứng xử văn minh trên không gian mạng để trở thành một “lá chắn số chủ động” tham gia bảo vệ an ninh mạng. Khi một trăm triệu người dân cùng chung sức đồng lòng, chúng ta sẽ kết thành “bức tường thành số” kiên cố nhất bảo vệ bản thân, bảo vệ gia đình và bảo vệ Tổ quốc.

Nguồn: baochinhpvu.vn

CẮT GIẢM NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN THEO HƯỚNG THỰC CHẤT

Quá trình xây dựng chính sách cần có sự tham vấn đầy đủ ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng chịu tác động trực tiếp nhằm nâng cao hiệu quả cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh.

Đây là yêu cầu của Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn tại phiên thảo luận tổ về dự án Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục IV về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, chiều ngày 3/8/2026, tại Hà Nội, trong khuôn khổ Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất.

Khắc phục tình trạng quy định còn mang tính định tính, thiếu tiêu chí

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nhấn mạnh, việc xây dựng dự án luật nhằm cụ thể hóa Kết luận số 18-KL/TW về tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và 100% điều kiện kinh doanh không cần thiết.

Cho rằng số lượng ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã giảm đáng kể qua các lần sửa đổi Luật, nhưng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp chưa giảm tương xứng, Chủ tịch Quốc hội nêu, trên thực tế vẫn tồn tại tình trạng bất cập như một số lĩnh vực phải đáp ứng đồng thời nhiều loại giấy phép, chấp thuận của các cơ quan quản lý khác nhau... Đây là bất cập cần được giải quyết.

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn đề nghị, Cơ quan soạn thảo và cơ quan thẩm tra tiếp tục rà soát danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo hướng chỉ duy trì điều kiện kinh doanh đối với những ngành, nghề thực sự cần thiết, liên quan đến quốc phòng an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường...; nghiên cứu thay thế một số điều kiện đầu tư kinh doanh bằng các công cụ quản lý khác như tiêu chuẩn

kỹ thuật, hậu kiểm và chế tài xử lý vi phạm. Đối với những ngành, nghề đã phát triển ổn định, doanh nghiệp có khả năng tự chịu trách nhiệm và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của pháp luật, cần xem xét bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh bình đẳng, công bằng.

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn lưu ý đẩy mạnh chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao trách nhiệm tuân thủ của doanh nghiệp; đồng thời tăng cường thanh tra theo mức độ rủi ro; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ hiện đại trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Cùng với việc rà soát các ngành nghề có thể cho ra khỏi danh mục, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn lưu ý điều kiện đảm bảo cho cơ chế hậu kiểm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thay thế các điều kiện đầu tư, kinh doanh; không để phát sinh thêm thủ tục hành chính, giấy phép chứng nhận, cơ sở dữ liệu quản lý, năng lực thanh tra, kiểm tra, giám sát và hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm.

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nhấn mạnh, hạn chế việc các quy định điều kiện kinh doanh phân tán ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời khắc phục tình trạng quy định mang tính định tính, thiếu tiêu chí và căn cứ định lượng khó thực hiện và khó kiểm tra. Bên cạnh đó, thiết lập cơ chế rà soát định kỳ đối với danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để kịp thời loại bỏ những ngành, nghề không còn phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, nhất là trong các lĩnh vực mới như công nghệ số, đổi mới sáng tạo và tài chính số, bảo đảm cân bằng giữa quản lý rủi ro và tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về điều kiện chuyển tiếp theo hướng xác định rõ nguyên tắc xử lý đối với các trường hợp đang thực hiện các giấy phép, giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh đã được cấp trước thời điểm luật có hiệu lực.

Tán thành với sự cần thiết ban hành dự án Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục IV về danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, đại biểu Nguyễn Duy Thanh (Cà Mau) cho rằng việc tiếp tục cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm là đúng hướng, góp phần mở rộng quyền tự do kinh doanh và giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Đại biểu đề nghị Chính phủ tiếp tục làm rõ căn cứ và phương pháp tính mức cắt giảm, nhưng quan trọng hơn là cần lượng hóa được kết quả cải cách đối với doanh nghiệp: đã giảm được bao nhiêu giấy phép, bao nhiêu thủ tục, bao nhiêu ngày chờ đợi và bao nhiêu chi phí tuân thủ.

Hạn chế chi phí và thời gian thực hiện thủ tục

Cho ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, đại biểu Nguyễn Phương Bắc (tỉnh Cà Mau) đề nghị đánh giá kỹ tính khả thi khi quy định tổ chức, cá nhân Việt Nam khi mua bán hàng hóa với nước ngoài qua nền tảng thương mại điện tử phải thực hiện xác thực định danh điện tử.

Đại biểu nhấn mạnh, việc xác thực định danh nhằm phòng, chống gian lận thương mại và ngăn chặn hàng cấm là cần thiết. Tuy nhiên, với số lượng giao dịch và người tham gia rất lớn, cơ quan soạn thảo cần làm rõ phương thức xác thực, nguyên tắc thực hiện, chủ thể chịu trách

nhiệm xác thực cũng như cơ chế áp dụng đối với các nền tảng, người bán hoặc nhà cung cấp nước ngoài chưa hiện diện tại Việt Nam. Bên cạnh đó, việc triển khai xác thực thông qua VNeID cũng cần bảo đảm tính đồng bộ giữa hệ thống định danh điện tử quốc gia với dữ liệu của cơ quan hải quan; đồng thời có cơ chế kết nối phù hợp giữa người tiêu dùng trong nước và các nhà cung cấp hàng hóa ở nước ngoài.

Đại biểu Nguyễn Phương Bắc lưu ý, dự thảo luật có thể làm phát sinh thêm một số thủ tục hành chính. Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, nếu phát sinh các thủ tục mới, các văn bản hướng dẫn cần quy định việc thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, qua đó hạn chế chi phí và thời gian thực hiện thủ tục cho người dân và doanh nghiệp.

Góp ý về quy định xác thực định danh điện tử trong giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới, đại biểu Trần Thị Vân (Bắc Ninh) cho rằng, việc bắt buộc cá nhân mua hàng nhỏ lẻ từ nước ngoài qua các nền tảng thương mại điện tử phải thực hiện định danh điện tử với cơ quan Hải quan sẽ tạo thêm rào cản về thủ tục hành chính đối với người tiêu dùng. Chưa kể, quy định này cũng thiếu tính khả thi đối với các trường hợp người mua, người bán là người nước ngoài hoặc khách du lịch đến Việt Nam chưa có mã số thuế hoặc tài khoản VNeID.

Đại biểu Trần Thị Vân cho biết, trách nhiệm xác thực, định danh người bán trên nền tảng thương mại điện tử đã được quy định tương đối đầy đủ trong pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Thương mại điện tử năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các quy định này đã xác định rõ trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử cũng như nghĩa vụ của người bán trong việc cung cấp, cập nhật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin. Vì vậy, đại biểu đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát kỹ quy định trong dự thảo luật nhằm tránh trùng lặp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Trường hợp vẫn thấy cần thiết phải bổ sung quy định, đại biểu đề xuất chỉ nên quy định các nguyên tắc phối hợp hoặc dẫn chiếu đến pháp luật về thương mại điện tử và định danh, xác thực điện tử, thay vì quy định lại trong Luật Hải quan.

Nguồn: baotintuc.vn

CẢ NƯỚC HOÀN THÀNH SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ, GIẢM HƠN 41.500 ĐƠN VỊ

Ngày 3/8/2026, tại phiên họp Chính phủ thường kỳ, trả lời câu hỏi của phóng viên về kết quả sắp xếp thôn, tổ dân phố trên toàn quốc, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Thị Hà cho biết, đến nay, 34/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã hoàn thành việc sắp xếp thôn, tổ dân phố theo đúng yêu cầu của Bộ Chính trị và Chính phủ.

Quá trình triển khai được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, công khai, dân chủ, tạo sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên từng địa bàn.

Sau sắp xếp, số lượng thôn, tổ dân phố trên cả nước giảm từ 89.589 xuống còn 48.078 (giảm 41.511 đơn vị, tương đương giảm 46,33%).

Việc sắp xếp không chỉ tinh gọn đầu mối mà còn nâng quy mô quản lý, tăng tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn theo quy định, khắc phục cơ bản tình trạng quy mô nhỏ, phân tán; đồng thời vẫn bảo đảm giữ ổn định các thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh và vị trí địa lý.

Cùng với việc sắp xếp, các địa phương đã hoàn thành kiện toàn tổ chức đảng, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; gắn với việc bố trí, sử dụng và giải quyết chế độ, chính sách một cách đồng bộ, kịp thời đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; bố trí cơ sở vật chất, bàn giao hồ sơ, tài sản và các điều kiện cần thiết khác để các thôn, tổ dân phố mới đi vào hoạt động ngay sau khi được thành lập, không làm gián đoạn hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và đời sống của Nhân dân.

Có thể khẳng định, việc sắp xếp thôn, tổ dân phố đã hoàn thành đúng mục tiêu, yêu cầu và tiến độ của Bộ Chính trị theo Kết luận số 34-KL/TW; góp phần tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư; đồng thời thực hiện việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách theo hướng ưu tiên những người có uy tín, năng lực, trình độ và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản trị cơ sở trong giai đoạn mới.

Phuong Nhung/Moha.gov.vn

BỘ QUỐC PHÒNG: CÔNG KHAI SỐ ĐIỆN THOẠI, DANH SÁCH CÁN BỘ HỖ TRỢ, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

Theo Công thông tin điện tử Bộ Quốc phòng, ngày 31/7/2026, Văn phòng Bộ Quốc phòng ban hành Thông báo số 7824/TB-VP về việc công khai thông tin, số điện thoại hỗ trợ, hướng dẫn, giải đáp về thực hiện thủ tục hành chính; danh sách cán bộ, nhân viên làm việc tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

Theo đó, để kịp thời tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, thắc mắc, cũng như hỗ trợ, hướng dẫn, giải đáp cho tổ chức, cá nhân về thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng, Văn phòng Bộ Quốc phòng trân trọng thông báo công khai thông tin, số điện thoại hỗ trợ, hướng dẫn, giải đáp về thực hiện thủ tục hành chính; danh sách cán bộ, nhân viên làm việc tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng, cụ thể như sau:

I. Số điện thoại hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng (để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, thắc mắc, cũng như hỗ trợ, hướng dẫn, giải đáp cho tổ chức, cá nhân về thực hiện thủ tục hành chính): 069.519365, 069.519366.

II. Danh sách cán bộ, nhân viên làm việc tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng:

1. Thiếu tướng Lê Văn Dũng, Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng kiêm Trưởng Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng; Phụ trách chung.

2. Thượng tá Nguyễn Đức Trung, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nghiên cứu cải cách hành chính kiêm Phó Trưởng Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng; Phụ trách hoạt động của Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

3. Thượng tá Nguyễn Quang Quý, Chức vụ: Trợ lý Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng; Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực: Ứng phó sự cố tràn dầu; Xe - máy quân sự; Chính sách; Quản lý vùng trời; Khen thưởng; Báo chí.

4. Trung tá Nguyễn Văn Thuận, Chức vụ: Trợ lý Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng; Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực: Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; Công nghiệp quốc phòng; Khám bệnh, chữa bệnh; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Mật mã dân sự.

5. Thiếu úy QNCN Hoàng Ngọc Anh, Chức vụ: Nhân viên Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng; Hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến; Thống kê, số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Thu phí, lệ phí (nếu có).

Nguồn: baohinhphu.vn

THÁO GỖ “ĐIỂM NGHẼN” DỮ LIỆU: BỘ Y TẾ TĂNG TỐC CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN

Về Chiến dịch 100 ngày tạo lập, cập nhật Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, Bộ Y tế đã hoàn thành xây dựng Công dữ liệu sức khỏe, bao gồm cơ sở dữ liệu sức khỏe cá nhân, chức năng nhập liệu...

Thời gian qua, các đơn vị trong ngành y tế đã đạt nhiều kết quả tích cực trong triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cải cách hành chính.

Tại cuộc họp rà soát tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Bộ Y tế theo Nghị quyết số 57/NQ-TW, việc triển khai Bệnh án điện tử và Sổ sức khỏe điện tử, Thứ trưởng Nguyễn Tri Thức yêu cầu các đơn vị khẩn trương tháo gỡ điểm nghẽn về dữ liệu, hạ tầng và phối hợp liên ngành để thúc đẩy chuyển đổi số y tế toàn diện...

Đến nay, Bộ Y tế đã rà soát, phân cấp 258 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; hoàn thành kết nối hệ thống giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, hộ tịch điện tử và đất đai; kết nối đồng bộ dữ liệu với nhiều hệ thống chuyên ngành thuộc các lĩnh vực khám chữa bệnh, dược, y dược cổ truyền, thiết bị y tế và bảo trợ xã hội.

Bộ Y tế cũng đã hoàn thành tái cấu trúc quy trình đối với 43/44 thủ tục hành chính, đồng thời tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục trong các lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh, an toàn thực phẩm, khoa học công nghệ và đào tạo theo các nghị quyết của Chính phủ.

Tỷ lệ số hóa hồ sơ tiếp tục đạt kết quả cao với hơn 99% hồ sơ đầu vào được số hóa, trên 91% hồ sơ được xử lý hoàn toàn trên môi trường số và hơn 92% hồ sơ được cấp kết quả điện tử.

Đối với Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa dữ liệu, Bộ Y tế đã xây dựng hệ thống bảng điều khiển phục vụ theo dõi, giám sát tiến độ; tổ chức tập huấn cho các đơn vị và phối hợp liên ngành để chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Về Chiến dịch 100 ngày tạo lập, cập nhật Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, Bộ Y tế đã hoàn thành xây dựng Cổng dữ liệu sức khỏe, bao gồm cơ sở dữ liệu sức khỏe cá nhân, chức năng nhập liệu, hệ thống tiếp nhận dữ liệu và bảng điều hành.

Bộ Y tế đã cấp tài khoản quản trị cho 34 Sở Y tế và tài khoản liên thông cho các cơ sở khám chữa bệnh; tổ chức nhiều hội nghị tập huấn trên toàn quốc; thống nhất quy trình khởi tạo Sổ sức khỏe điện tử với Bộ Công an và phối hợp với các đơn vị liên quan để bảo đảm an toàn thông tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Đến nay, hơn 9.600 tài khoản đã được cấp cho các cơ sở khám chữa bệnh; gần 500 đơn vị thử nghiệm kết nối thành công, trong đó 344 đơn vị đã gửi dữ liệu trên môi trường chính thức. Đã có hơn 32,79 triệu người dân được tạo lập Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

Bên cạnh những kết quả đạt được, các đơn vị cũng thẳng thắn chỉ ra nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Các ý kiến tập trung vào ba nhóm vấn đề chính gồm: công tác phối hợp liên ngành trong và ngoài Bộ Y tế; những bất cập về thể chế, hạ tầng và kỹ thuật; tiến độ thẩm định, phê duyệt đầu tư kinh phí và triển khai các dự án công nghệ thông tin.

Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Tri Thức nhấn mạnh việc đẩy nhanh Chiến dịch 90 ngày làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu và Chiến dịch 100 ngày tạo lập Sổ sức khỏe điện tử là bước đi quan trọng nhằm nâng cao chất lượng dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công và kết nối, chia sẻ dữ liệu trong toàn ngành y tế.

Theo Thứ trưởng Bộ Y tế, đây cũng là nền tảng để đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các nền tảng quản lý khác theo quy định. Vì vậy mỗi Cục, Vụ, Văn phòng Bộ và Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia nghiêm túc rà soát, nhận diện rõ các điểm nghẽn trong phạm vi quản lý của đơn vị mình, từ đó xây dựng các nhóm giải pháp tháo gỡ cụ thể.

Các nhiệm vụ trọng tâm gồm tăng cường chỉ đạo điều hành; đẩy nhanh tiến độ làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu; tiếp tục tổ chức tập huấn cho cán bộ công nghệ thông tin các tuyến; thiết lập đầu mối xử lý ngay các vướng mắc về dữ liệu và hạ tầng; tăng cường phối hợp liên ngành và phối hợp giữa các đơn vị trong Bộ; hỗ trợ lẫn nhau trong triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Nguồn: vietnamplus.vn

CẮT GIẢM 40 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, PHÂN QUYỀN MẠNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG

Sáng ngày 6/8/2026, tiếp tục chương trình Kỳ họp không thường lệ lần thứ nhất, Quốc hội khóa XVI, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Trịnh Việt Hùng trình bày Tờ trình tóm tắt dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Dự luật sửa đổi, bổ sung quy định của 10 luật gồm: Luật Trồng trọt, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Thủy sản, Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Khí tượng thủy văn và Luật Đê điều. Dự luật chỉ tập trung luật hóa các nội dung của Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP, không phát sinh chính sách mới, ngoại trừ việc luật hóa một nội dung của Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP.

Theo dự thảo, nhiều quy định được sửa đổi theo hướng chuyển từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm, tăng quyền chủ động và trách nhiệm của doanh nghiệp. Đối với lĩnh vực trồng trọt, tổ chức, cá nhân được tự công bố lưu hành giống cây trồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã công bố. Trong lĩnh vực chăn nuôi, sản phẩm thức ăn chăn nuôi cũng được thực hiện theo cơ chế tự công bố, tự thay đổi thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Dự luật cũng đề xuất kéo dài hoặc bãi bỏ thời hạn của nhiều loại giấy phép nhằm giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Theo đó, quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam và giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật có thời hạn 10 năm và được gia hạn. Đáng chú ý, giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sẽ không còn quy định thời hạn, thay vì phải gia hạn định kỳ như trước.

Ngoài việc cắt giảm thủ tục, dự luật còn mở rộng phân quyền cho địa phương trong nhiều lĩnh vực. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao thêm thẩm quyền giải quyết nhiều thủ tục về chăn nuôi, thú y, kiểm dịch, khoáng sản, đóng cửa mỏ, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản... Qua đó, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm sự phụ thuộc vào cơ quan trung ương và nâng cao tính chủ động của địa phương.

Đối với lĩnh vực địa chất và khoáng sản, dự luật sửa đổi nhiều quy định liên quan đến thăm dò, khai thác, gia hạn, điều chỉnh giấy phép, đóng cửa mỏ và chuyển nhượng quyền khai thác theo hướng tăng thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Chính phủ cũng kiến nghị Quốc hội bổ sung sửa đổi khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản nhằm dẫn chiếu đầy đủ đến khoản 1a Điều 53, hoàn thiện cơ sở pháp lý để nhà thầu, nhà đầu tư, chủ đầu tư được trực tiếp cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo cơ chế đặc thù. Theo Chính phủ, việc bổ sung này sẽ góp phần tháo gỡ vướng mắc trong cấp phép khai thác khoáng sản phục vụ các công trình, dự án trọng điểm, tránh kéo dài thời gian cấp phép và đẩy nhanh tiến độ thi công.

Dự luật cũng quy định nhiều nội dung chuyển tiếp theo hướng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Theo đó, giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp và còn hiệu lực sẽ được kéo dài thêm 5 năm; quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam cũng được kéo dài thêm 5 năm kể từ ngày hết hạn; giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã cấp trước đây tiếp tục được sử dụng không thời hạn.

Chính phủ đề xuất Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2027, sớm hơn khoảng hai tháng so với yêu cầu của Nghị quyết số 206/2025/QH15.

Cần hậu kiểm theo mức độ rủi ro khi cắt giảm thủ tục hành chính

Thẩm tra dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Nguyễn Thanh Hải cho biết, cơ quan thẩm tra tán thành sự cần thiết ban hành luật, đánh giá hồ sơ dự án được chuẩn bị đầy đủ, bảo đảm quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP mới được triển khai hơn hai tháng, việc luật hóa các nội dung vẫn tiềm ẩn nguy cơ thiếu tính khả thi và đồng bộ.

Theo cơ quan thẩm tra, việc cắt giảm thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh cần dựa trên mức độ rủi ro của hàng hóa, dịch vụ, gắn với hạ tầng số, liên thông dữ liệu và cơ chế hậu kiểm hiệu quả; đồng thời rà soát việc phân cấp, phân quyền phù hợp với năng lực thực thi của địa phương.

Đối với từng luật, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường đề nghị bổ sung nhiều cơ chế kiểm soát nhằm bảo đảm quản lý nhà nước không bị buông lỏng sau khi đơn giản hóa thủ tục. Cụ thể, với Luật Trồng trọt cần quy định rõ trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tăng cường hậu kiểm và truy xuất nguồn gốc; với Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật cần bổ sung cơ chế rà soát định kỳ, chủ động đánh giá lại các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp phép lưu hành.

Thẩm tra Luật Chăn nuôi, cơ quan thẩm tra đề nghị bổ sung cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương khi trao đổi nguồn gen vật nuôi quý hiếm với nước ngoài; đồng thời làm rõ các quy định chuyển tiếp đối với giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi để tránh phát sinh vướng mắc cho doanh nghiệp.

Đối với Luật Địa chất và khoáng sản, Chủ nhiệm Ủy ban Nguyễn Thanh Hải cho biết cơ quan thẩm tra cơ bản thống nhất việc luật hóa cơ chế đặc thù về khoáng sản, song đề nghị tiếp tục nghiên cứu phân quyền cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm I cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hoàn thiện cơ chế phối hợp đối với các khu vực khoáng sản liên tỉnh.

Nguồn: vov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC: BÃI BỎ 28 ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, CUNG CẤP 43 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, phân cấp thủ tục hành chính theo Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Ngân hàng Nhà nước đã rà soát toàn bộ danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, đề xuất phương án phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục và điều kiện kinh doanh.

Trên cơ sở đó, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với các bộ, ngành trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP, Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP, đồng thời ban hành 14 thông tư theo thẩm quyền để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa 140 thủ tục hành chính, gồm 20 thủ tục được cắt giảm, 120 thủ tục được đơn giản hóa và phân cấp 37 thủ tục hành chính cho Ngân hàng

Nhà nước chi nhánh khu vực. Tính chung giai đoạn 2024-2026, trên 90% thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước đã được cắt giảm hoặc đơn giản hóa.

Sau khi bãi bỏ toàn bộ 260 điều kiện kinh doanh không cần thiết trong năm 2025, sáu tháng đầu năm 2026, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bãi bỏ 28 điều kiện kinh doanh, gồm 22 điều kiện trong lĩnh vực ngoại hối, 5 điều kiện kinh doanh vàng và 1 điều kiện đối với trung gian thanh toán.

Đáng chú ý, Ngân hàng Nhà nước còn đề xuất cắt giảm một ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức không phải tổ chức tín dụng, góp phần mở rộng không gian phát triển cho thị trường.

100% thủ tục đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến

Cùng với cải cách thủ tục hành chính, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Sau khi nâng cấp 32 dịch vụ công trực tuyến toàn trình vào cuối năm 2025, đến giữa tháng 6/2026, Ngân hàng Nhà nước đã cung cấp 43 dịch vụ công trực tuyến tập trung trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt 100% số thủ tục hành chính đủ điều kiện.

Riêng quý II/2026, hệ thống đã tiếp nhận 15.110 hồ sơ trực tuyến, chiếm hơn 87% tổng số hồ sơ được Ngân hàng Nhà nước tiếp nhận.

Ngày 30/7/2026, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 1744/QĐ-NHNN phê duyệt kế hoạch nâng cấp thêm 15 thủ tục hành chính lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình, hướng tới mục tiêu tối thiểu 80% hồ sơ được giải quyết trực tuyến toàn trình trong năm 2026.

Thực hiện nguyên tắc “Dữ liệu đến đâu, cắt giảm đến đó”, Ngân hàng Nhà nước đang đẩy mạnh kết nối dữ liệu quốc gia và dữ liệu chuyên ngành, hướng tới mục tiêu người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại những thông tin đã có trên hệ thống.

Theo công bố của Bộ Nội vụ về Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 (PAR Index 2025), Ngân hàng Nhà nước đạt 93,2 điểm, xếp thứ 2 trong số 12 bộ, ngành được đánh giá; đồng thời đạt điểm tối đa ở tiêu chí “Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao” và dẫn đầu các chỉ số thành phần về cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công.

Thời gian tới, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tạo thuận lợi hơn nữa cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận các dịch vụ hành chính công thuộc lĩnh vực ngân hàng.

Nguồn: baokiemtoan.vn

BỘ TƯ PHÁP HƯỚNG TỚI NỀN TẢNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÔNG MINH

Ngày 5/8/2026, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh chủ trì buổi làm việc với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính một số đơn vị liên quan và doanh nghiệp đồng hành về Nền tảng số Kiểm soát thủ tục hành chính.

Theo báo cáo của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Cục đã chủ động nghiên cứu, dự kiến xây dựng các nhóm chức năng của Nền tảng số Kiểm soát thủ tục hành chính, bao gồm: Kiểm soát quy định thủ tục hành chính trong đề xuất, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá tác động thủ tục hành chính; Đề xuất cải cách thủ tục hành chính; Phân tích đánh giá kết quả cải cách cách thủ tục hành chính của Bộ, ngành, địa phương; Quản lý xây dựng bộ chỉ số chỉ đạo điều hành về thực hiện cách thủ tục hành chính, dịch vụ công; Nghiệp vụ đánh giá độc lập và xây dựng Chỉ số hiệu năng hành chính và mức độ hài lòng của Hội đồng tư vấn cải cách cách thủ tục hành chính; Kiểm tra thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính; Quản lý bộ phận một cửa giải quyết thủ tục hành chính...

Bên cạnh việc xây dựng các chức năng và làm các thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư, Cục cũng đã phối hợp chặt chẽ với đơn vị liên quan chuẩn bị để cung cấp lên Nền tảng nhóm chức năng (chế độ báo cáo công tác Kiểm soát thủ tục hành chính và KPI đánh giá, chấm điểm công tác cải cách thủ tục hành chính).

Để Nền tảng số Kiểm soát thủ tục hành chính sớm đi vào hoạt động, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính đề nghị Thứ trưởng chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp triển khai một số nhiệm vụ. Trong đó, có việc triển khai xây dựng phần mềm, phân quyền, cấp tài khoản, cung cấp các biểu mẫu, đề cương báo cáo theo Thông tư số 09/2026/TT-BTP ngày 15/6/2026 của Bộ Tư pháp lên Nền tảng từ ngày 15/8/2026 để kiểm thử, tập huấn, hướng dẫn địa phương thực hiện và KPI đánh giá, chấm điểm công tác cải cách thủ tục hành chính song song với việc thực hiện đầu tư Dự án; phối hợp chặt chẽ với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư...

Thảo luận tại cuộc họp, các ý kiến thống nhất đánh giá việc xây dựng Nền tảng số Kiểm soát thủ tục hành chính là nhiệm vụ cần thiết nhằm đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả Kiểm soát thủ tục hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của Bộ Tư pháp. Đồng thời, các ý kiến cũng tập trung trao đổi về định hướng xây dựng Nền tảng, cơ sở pháp lý, phương án đầu tư, tiêu chí đánh giá hiệu quả và cơ chế tổ chức thực hiện.

Về tiến độ triển khai, bên cạnh việc hoàn thiện giải pháp kỹ thuật, các đơn vị đang tập trung xây dựng hệ thống tiêu chí nhằm lượng hóa hiệu quả của Nền tảng thông qua các chỉ số cụ thể như thời gian giải quyết thủ tục hành chính được rút ngắn, chi phí xã hội được tiết kiệm, giá trị mang lại cho người dân, doanh nghiệp cũng như hiệu quả quản lý nhà nước. Việc đánh giá không chỉ dừng ở các tác động trực tiếp mà còn tính đến những lợi ích gián tiếp đối với xã hội.

Các ý kiến đề xuất, trong trường hợp nguồn vốn đầu tư công tiếp tục phải điều chỉnh, Bộ cần ưu tiên các dự án phần mềm, nền tảng phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước. Đây là các dự án có mức đầu tư không quá lớn nhưng có thể tạo ra hiệu quả rõ rệt trong cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ngoài ra, một số ý kiến cho rằng việc có doanh nghiệp tư vấn, đồng hành ngay từ giai đoạn nghiên cứu ý tưởng sẽ giúp hiểu đầy đủ yêu cầu nghiệp vụ, giảm thiểu rủi ro trong quá trình xây dựng giải pháp và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, toàn bộ quy trình từ phê duyệt chủ trương đầu tư, xây dựng dự án đến lựa chọn đơn vị triển khai đều phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, chuyển đổi số và các quy định có liên quan, bảo đảm tính công khai, minh bạch và an toàn pháp lý đối với các cơ quan, đơn vị và cán bộ tham gia thực hiện.

Kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh nhấn mạnh, việc xây dựng Nền tảng số Kiểm soát thủ tục hành chính phải được tiếp cận theo tư duy mới, không chỉ dừng lại ở việc số hóa các quy trình, biểu mẫu hay thay thế một số thao tác thủ công bằng công nghệ, mà phải hướng tới xây dựng một nền tảng thực sự thông minh, chủ động, dựa trên dữ liệu và tạo ra giá trị gia tăng cho công tác quản lý nhà nước.

Theo Thứ trưởng, một nền tảng số đúng nghĩa phải có khả năng quản lý, Kiểm soát thủ tục hành chính một cách chủ động, thông minh, bám sát vòng đời của người dân và doanh nghiệp. Mọi thủ tục hành chính cần được tổ chức trên cơ sở dữ liệu gốc và được liên thông xuyên suốt. Từ đó, Thứ trưởng yêu cầu phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật ở mức cao. Trong đó, Nền tảng phải bảo đảm kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu của hệ thống hành chính nhà nước; chỉ cần sử dụng một mã định danh là có thể truy xuất đầy đủ các thông tin liên quan. Đồng thời, toàn bộ dữ liệu phải được chuẩn hóa theo hướng máy có thể đọc, phân tích và xử lý, giảm tối đa sự can thiệp thủ công của con người.

Đặc biệt, Thứ trưởng yêu cầu quán triệt định hướng “AI First” trong quá trình xây dựng nền tảng. Hệ thống không chỉ cung cấp các biểu mẫu điện tử mà phải có khả năng tương tác, trả lời câu hỏi, hỗ trợ xử lý công việc và giải quyết các tình huống phát sinh thông qua trí tuệ nhân tạo. Bên cạnh đó, nền tảng phải xây dựng được hệ thống báo cáo, theo dõi và đánh giá thông minh, có khả năng đối chiếu dữ liệu thực tế để xác định tính chính xác của các báo cáo từ bộ, ngành, địa phương; đồng thời trực quan hóa dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

Thứ trưởng cũng gợi ý định hướng xây dựng Nền tảng theo các nhóm nội dung trọng tâm như xây dựng nền tảng Kiểm soát thủ tục hành chính chủ động trên cơ sở dữ liệu và vòng đời của chủ thể; xây dựng nền tảng số kiểm soát việc ban hành thủ tục hành chính; tăng cường kiểm soát việc tổ chức thực thi và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Nguồn: baophapluat.vn

CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HIỆU TRƯỞNG, HIỆU PHÓ KHI SẮP XẾP CƠ SỞ GIÁO DỤC

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 37/2026/NQ-CP về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Nghị quyết này áp dụng đối với:

- 1- Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện sắp xếp.
- 2- Hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục trong các cơ sở giáo dục nêu trên.
- 3- Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc tổ chức thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục công lập.
- 4- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

Cơ cấu, số lượng, chế độ bảo lưu phụ cấp chức vụ đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc

Về cơ cấu, số lượng, chế độ bảo lưu phụ cấp chức vụ đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, Nghị quyết quy định:

- 1- Hiệu trưởng hoặc giám đốc: Mỗi cơ sở giáo dục có 01 hiệu trưởng hoặc 01 giám đốc.
- 2- Phó hiệu trưởng hoặc phó giám đốc:
 - a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên: Trường chính được bố trí 01 phó hiệu trưởng hoặc 01 phó giám đốc; mỗi phân hiệu được bố trí 01 phó hiệu trưởng hoặc 01 phó giám đốc;
 - b) Đối với trường trung cấp, trường trung học nghề: Số lượng phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về số lượng cấp phó;
 - c) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Trụ sở chính được bố trí 01 phó giám đốc, mỗi phân hiệu được bố trí 01 phó giám đốc.
3. Sau khi sắp xếp theo quy định tại 1 và 2 mục này, số hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc còn lại của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp được bố trí như sau:
 - a) Bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo hoặc vị trí việc làm khác phù hợp với năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, chuyên ngành đào tạo của hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc sau sắp xếp;
 - b) Số lượng hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc còn lại sau khi sắp xếp đủ theo quy định tại a nêu trên nếu có nguyện vọng nghỉ việc thì thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

4. Trường hợp hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc thôi giữ chức vụ hoặc được bổ nhiệm chức vụ mới có mức phụ cấp chức vụ thấp hơn do thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025).

Cơ cấu, số lượng, chế độ chính sách đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục

Về cơ cấu, số lượng và chế độ chính sách đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục, Nghị quyết quy định:

1- Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên:

a) Các vị trí kế toán, văn thư, thủ quỹ được bố trí dùng chung cho cơ sở giáo dục (bao gồm trường chính, phân hiệu, điểm trường), mỗi vị trí được bố trí 01 người.

Đối với vị trí kế toán, trường hợp thuộc loại hình trường có học sinh nội trú, bán trú có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí tối đa 02 người.

b) Các vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm, thư viện, giáo vụ, tư vấn học sinh, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, công nghệ thông tin (hoặc quản trị công sở), y tế trường học được bố trí riêng cho trường chính và mỗi phân hiệu. Mỗi vị trí việc làm quy định tại điểm này được bố trí 01 người.

c) Cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục quyết định bố trí số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định tại a và b; trường hợp cần thiết, căn cứ quy mô, điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, quyết định việc bố trí một người đảm nhận một hoặc nhiều vị trí việc làm phù hợp với năng lực, chuyên môn, yêu cầu nhiệm vụ và không vượt quá số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

2. Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục đối với trường dạy nghề (bao gồm trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề) thực hiện theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Sau khi sắp xếp theo quy định trên, số nhân sự hỗ trợ giáo dục còn lại của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp được bố trí như sau:

a) Bố trí vào vị trí việc làm nhân sự hỗ trợ giáo dục còn thiếu số lượng người làm việc theo định mức quy định, trừ trường hợp quy định tại b và c dưới đây.

Trường hợp chưa đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới thì giữ mã số, chức danh và hệ số lương đang được hưởng. Khi đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm mới sau sắp xếp thì bổ nhiệm chức danh và xếp lương theo vị trí việc làm đó hoặc bố trí bậc nghề nghiệp theo quy định.

Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nhân sự hỗ trợ giáo dục phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm mới; nếu không đáp ứng thì thực hiện chế độ

thôi việc hoặc nghỉ hưu, tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp cần thiết do cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

b) Không bố trí vào vị trí y tế trường học nếu không đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của vị trí việc làm.

c) Không bố trí vào vị trí việc làm kế toán nếu không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm kế toán hoặc thuộc các trường hợp không được làm kế toán theo quy định.

d) Bố trí vào vị trí việc làm nhà giáo nếu đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo và đạt yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng ngay vị trí việc làm nhà giáo.

đ) Số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục còn lại sau khi sắp xếp đủ theo quy định tại a, b, c và d mục này thì thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên khi sắp xếp cơ sở giáo dục

Chính phủ yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nắm chắc tình hình, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh thuộc phạm vi quản lý theo phân công của Chính phủ; báo cáo Chính phủ những nội dung vượt thẩm quyền. Đồng thời, chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên khi sắp xếp cơ sở giáo dục.

Bộ Nội vụ hướng dẫn giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4, điểm đ khoản 3 Điều 5 và chính sách bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này. Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại Nghị quyết này; chỉ đạo, hướng dẫn việc cử nhân sự hỗ trợ giáo dục tham gia đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm mới; xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định dự toán chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao biên chế viên chức theo thẩm quyền; chỉ đạo việc cơ cấu lại, bố trí, điều động, chuyển chuyển viên chức giáo dục và việc sắp xếp, bố trí hoặc thực hiện kiêm nhiệm các vị trí việc làm nhân sự hỗ trợ giáo dục để khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục trên địa bàn phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, bảo đảm phù hợp với định mức số lượng người làm việc theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu

trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý chịu tác động của việc sắp xếp cơ sở giáo dục.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các quy định về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập cấp xã theo quy định tại Nghị quyết này và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, nhân sự hỗ trợ giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý chịu tác động của việc sắp xếp cơ sở giáo dục.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 05/8/2026 đến hết ngày 30/6/2028.

Nguồn: baohinhphu.vn

DỰ KIẾN GIẢM HƠN 17.000 ĐẦU MỖI CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN CẢ NƯỚC, TƯƠNG ỨNG 45,7%

Theo thông tin từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 5/8/2026, báo cáo của 34 địa phương cho thấy tổng số cơ sở giáo dục công lập sau sắp xếp dự kiến giảm từ 37.386 xuống 20.284, giảm 17.102 đầu mỗi, tương ứng 45,7%.

Việc giảm đầu mỗi chủ yếu được thực hiện thông qua tổ chức trường nhiều cấp học, chuyển cơ sở cũ thành phân hiệu, điểm trường và sắp xếp lại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Các địa điểm dạy học cần thiết cơ bản được duy trì, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và hải đảo, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của học sinh.

Trọng tâm sau sắp xếp không chỉ là giảm đầu mỗi mà phải bảo đảm các cơ sở giáo dục vận hành ổn định, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến quyền học tập của học sinh.

Các địa phương đã chủ động chuẩn bị các điều kiện vận hành mô hình mới, gồm kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ, bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, dữ liệu và xây dựng kế hoạch giáo dục. Ngành giáo dục cũng chú trọng công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận trong đội ngũ và nhân dân, bảo đảm các cơ sở giáo dục sau sắp xếp hoạt động ổn định trước năm học 2026 - 2027.

Một trong những vấn đề đặt ra khi sắp xếp lại đầu mỗi cơ sở giáo dục là giải quyết nhân sự dôi dư, đặc biệt là lực lượng nhân viên trường học như kế toán, thủ quỹ, thủ thư.

Phương án xử lý đội ngũ cơ bản được các địa phương xây dựng theo hướng tiếp nhận, sử dụng tối đa nhân sự hiện có, bảo đảm ổn định hoạt động của các cơ sở giáo dục sau sắp xếp, quyền, lợi ích hợp pháp của đội ngũ chịu tác động.

Các địa phương ưu tiên bố trí tại trường chính, phân hiệu, điểm trường; điều động đến cơ sở giáo dục còn thiếu; chuyển người đủ điều kiện trở lại giảng dạy hoặc bố trí công tác khác phù hợp với năng lực, chuyên môn. Trường hợp không còn phương án bố trí thì thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

Đối với nhân viên trường học, xu hướng chung là duy trì các vị trí gắn trực tiếp với việc bảo đảm chất lượng giáo dục và chăm sóc học sinh tại từng địa điểm học như thư viện, thiết bị thí nghiệm và y tế trường học; đồng thời tổ chức lại các vị trí hành chính như kế toán, văn thư, thủ quỹ, theo hướng tinh gọn, bố trí dùng chung trong cùng một pháp nhân.

Các địa phương tiếp tục rà soát đến từng người, từng vị trí; ưu tiên bố trí lại trong ngành, điều động đến đơn vị còn thiếu hoặc chuyển sang vị trí việc làm phù hợp; chỉ giải quyết chế độ, chính sách khi không còn khả năng bố trí.

Theo yêu cầu của Chính phủ, việc sắp xếp trường học phải hoàn thành trước ngày 30/8, giảm tối thiểu 30% đầu mỗi, ở vùng thuận lợi giảm khoảng 50%.

Nguồn: vietnamplus.vn

SỬA ĐỔI LUẬT ĐẦU THẦU THEO HƯỚNG ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến đối với dự thảo Luật Đầu thầu (sửa đổi), nhằm tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số.

Dự thảo đồng thời hướng tới tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng kiến tạo phát triển, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian thực hiện các gói thầu, dự án, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Theo Bộ Tài chính, dự thảo Luật quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu thầu; thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

Dự thảo gồm 8 chương, 72 điều, quy định các nội dung về hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; quy trình, thủ tục đầu thầu; mua sắm tập trung; mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; hợp đồng; trách nhiệm của các bên và công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu thầu.

Một trong những nội dung đáng chú ý là việc sửa đổi, hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đầu thầu và các luật liên quan; quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; chính sách ưu tiên hàng hóa có xuất xứ trong nước; cũng như các quy định về hợp đồng.

Đối với lựa chọn nhà thầu, dự thảo đề xuất đơn giản hóa các hình thức lựa chọn trên cơ sở tích hợp những hình thức có quy trình thực hiện tương đồng. Cụ thể, hình thức đầu thầu hạn

chế và chào hàng cạnh tranh được tích hợp vào đấu thầu rộng rãi; hình thức mua sắm trực tiếp và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được tích hợp vào chỉ định thầu.

Bên cạnh đó, dự thảo bổ sung hai hình thức lựa chọn nhà thầu mới. Thứ nhất là đàm phán cạnh tranh, áp dụng đối với các gói thầu mà chủ đầu tư chưa xác định đầy đủ yêu cầu kỹ thuật, giải pháp công nghệ hoặc giá gói thầu. Theo đó, chủ đầu tư sẽ thương thảo với từ hai nhà thầu trở lên để hoàn thiện giải pháp kỹ thuật và phương án tài chính trước khi ký hợp đồng. Thứ hai là chào giá trực tuyến trên cơ sở kế thừa quy định đã được áp dụng tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, tạo cơ sở pháp lý ổn định cho việc triển khai lâu dài.

Dự thảo cũng tiếp tục duy trì các hình thức đàm phán giá, đặt hàng, tự thực hiện và cộng đồng tham gia thực hiện do đã được áp dụng ổn định và phù hợp với đặc thù của nhiều lĩnh vực như y tế, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục, đường sắt.

Đối với lựa chọn nhà đầu tư, dự thảo giữ nguyên bốn hình thức gồm đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Theo Bộ Tài chính, các hình thức này đang được áp dụng ổn định và chưa phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh.

Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu và nhà đầu tư, dự thảo chỉ quy định các nguyên tắc chung, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện đối với từng hình thức nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình triển khai.

Đổi mới hoạt động đấu thầu

Đáng chú ý, dự thảo sửa đổi quy định về đấu thầu quốc tế theo hướng chỉ áp dụng đối với các dự án đầu tư kinh doanh có tính chất đặc biệt về công nghệ, năng lượng sạch hoặc yêu cầu cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế mà nhà đầu tư trong nước chưa đáp ứng được. Đối với các dự án còn lại sẽ thực hiện đấu thầu trong nước nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Đối với đấu thầu qua mạng, dự thảo chỉ quy định các yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và cơ sở dữ liệu về đấu thầu, còn các nội dung chi tiết sẽ giao Chính phủ quy định. Theo định hướng xây dựng nghị định hướng dẫn, đấu thầu điện tử sẽ trở thành phương thức chủ yếu, được triển khai xuyên suốt toàn bộ quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và quản lý thực hiện hợp đồng.

Đồng thời, toàn bộ vòng đời gói thầu, dự án và hợp đồng sẽ được số hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá, năng lực, kinh nghiệm, uy tín của nhà thầu, nhà đầu tư để hỗ trợ lập giá gói thầu, đánh giá năng lực, giám sát và cảnh báo rủi ro. Dự thảo cũng định hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, phân tích dữ liệu và phát hiện dấu hiệu gian lận, thông đồng trong hoạt động đấu thầu.

Về hồ sơ mời thầu, dự thảo cho phép nêu nhãn hiệu hàng hóa theo nhóm nhãn hiệu nhằm bảo đảm lựa chọn được sản phẩm đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tính năng kỹ thuật, công nghệ, tính đồng bộ và hiệu quả sử dụng, đồng thời vẫn bảo đảm cạnh tranh giữa các nhãn hiệu trong cùng nhóm.

Đối với hợp đồng, dự thảo chỉ quy định các nguyên tắc khung về loại hợp đồng, sửa đổi hợp đồng, còn các nội dung về hồ sơ, điều kiện ký kết, thanh toán và quy trình thực hiện sẽ

giao Chính phủ quy định chi tiết. Dự thảo cũng không quy định cứng tỷ lệ hoặc giá trị tối đa công việc được giao cho nhà thầu phụ để xác định hành vi chuyển nhượng thầu, mà căn cứ vào bản chất của hành vi và trách nhiệm của các bên.

Theo đó, việc nhà thầu chính giao thêm công việc cho nhà thầu phụ ngoài phạm vi hợp đồng nhưng được chủ đầu tư chấp thuận sẽ không bị coi là chuyển nhượng thầu; hành vi chuyển nhượng chỉ được xác định khi nhà thầu chính chuyển giao toàn bộ hoặc phần công việc chủ yếu, làm thay đổi bản chất vai trò của nhà thầu trúng thầu và không còn trực tiếp quản lý, điều hành, chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

HÀ NỘI: ĐẾN TRƯỚC NHU CẦU - TIÊN PHONG PHỤC VỤ

Nhận thức sâu sắc cải cách hành chính và chuyển đổi số cốt lõi phải vì con người, hình ảnh những Tổ hành chính công xung kích trên khắp Hà Nội gần nửa năm qua đang dần trở nên quen thuộc với nhiều người dân, bằng phương châm “Đến trước nhu cầu - Tiên phong phục vụ” không chỉ gỡ rào cản địa lý, công nghệ mà còn khẳng định tinh thần chính quyền phục vụ, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Chủ động tìm đến người dân

Trong tiến trình xây dựng chính quyền số, việc đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử mang lại tiện lợi cho đại đa số người dân Thủ đô. Song, thực tiễn vận hành cũng bộc lộ “khoảng cách số” rõ rệt ở nhóm đối tượng yếu thế: Người cao tuổi, người có công với cách mạng, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội... Không thành thạo thiết bị thông minh hay khó khăn trong di chuyển, họ gặp rào cản không nhỏ để tiếp cận quyền lợi chính đáng.

Nhằm giải quyết triệt để “điểm nghẽn” này, ngày 13/2/2026, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch 63/KH-UBND triển khai mô hình “Tổ hành chính công xung kích”, hướng tới mục tiêu chủ động đưa dịch vụ công đến tận nơi người dân cần, thay vì ngồi chờ người dân tìm đến cơ quan công quyền. Từ đó, phương thức tiếp cận dịch vụ công của nhân dân Thủ đô có thay đổi căn bản.

Tại nhiều xã, phường, công dân giờ chỉ cần mang hồ sơ đất đai, hộ tịch, giấy tờ cá nhân đến nhà văn hóa là được hỗ trợ giải quyết. Trường hợp tuổi cao, sức yếu không thể di chuyển sẽ được cán bộ đến tận nhà hướng dẫn cài đặt VNeID, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hoàn thiện hồ sơ, tra cứu thông tin. Nhiều cụ già lần đầu được tiếp cận các nền tảng số thuận lợi đến vậy.

Để mô hình vận hành hiệu quả, lực lượng nòng cốt của những Tổ hành chính công xung kích được kiện toàn đồng bộ, gồm cán bộ các chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội, công chức tư pháp - hộ tịch và đoàn viên thanh niên địa phương, nhân viên bưu điện, chuyên viên bảo hiểm xã hội. Phương thức hoạt động được xác định rõ: Chủ động rà soát, phối hợp liên ngành, hỗ trợ tận nơi.

Ghi nhận tại Chi nhánh số 6 - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, trong đợt cao điểm thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố về bảo đảm chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội vừa qua, toàn hệ thống huy động 100% lực lượng làm việc xuyên ngày đêm, cả ngày nghỉ, nhằm không xảy ra gián đoạn. Thay vì người dân phải đi lại nhiều lần, cán bộ Tổ xung kích “gõ cửa” từng gia đình hỗ trợ hoàn thiện thủ tục ủy quyền nhận lương hưu, trợ cấp bảo trợ xã hội và những hồ sơ liên quan.

Đáng chú ý, bước đột phá mạnh mẽ trong quá trình đổi mới hoạt động hệ thống hành chính công Thủ đô chính là áp dụng “điều hành phi địa giới”. Thực tế nhiều trường hợp người cao

tuổi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương này nhưng đang dưỡng già, sống cùng con cháu tại địa phương khác, theo quy trình truyền thống bắt buộc phải về nơi đăng ký thường trú để thực hiện thủ tục hành chính, gây không ít vất vả.

Trước bài toán đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố linh hoạt triển khai cơ chế “dân ở đâu, cán bộ ở đó”, với nền tảng là mạng lưới 126 điểm hỗ trợ ở các xã, phường cùng hệ thống điều hành thống nhất. Tổ xung kích tại nơi người dân đang cư trú trực tiếp đến tận nhà hỗ trợ giải quyết công việc, giúp xóa hoàn toàn rào cản địa giới hành chính, đánh dấu bước chuyển quan trọng từ tư duy “quản lý” sang tư duy “phục vụ”, lấy sự thuận tiện của nhân dân làm thước đo hiệu quả công việc.

Hướng tới nền hành chính “tiệm cận” lòng dân

Những ngày cuối tháng 7, anh Lê Minh Thiện, cán bộ Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Phường Liệt (Chi nhánh số 2, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố) có mặt tại nơi ở tại phường Thanh Xuân của ông Nguyễn Xuân Bình (sinh năm 1944) để hỗ trợ thủ tục ủy quyền nhận lương hưu. Ông Bình là cán bộ hưu tuổi cao, sức yếu; trước đây mỗi lần làm thủ tục, bà Nguyễn Thị Kiều Liên (vợ ông) phải vất vả xếp hàng chờ đợi. Xúc động trước sự hỗ trợ tận nhà, bà Liên bày tỏ biết ơn sâu sắc sự quan tâm tận tình của cán bộ hành chính công.

Đặc biệt, công việc của cán bộ xung kích không chỉ gói gọn trong các thủ tục lương hưu, chứng thực giấy tờ... Anh Thiện kể, từng có lần cán bộ đến tận bệnh viện hỗ trợ đăng ký kết hôn cho đôi vợ chồng sắp sinh chưa kịp làm thủ tục; hay khi có người dân qua đời, nhận thông tin từ Tổ trưởng dân phố, cán bộ đến tận nhà hỗ trợ làm khai tử để gia đình yên tâm lo hậu sự. Họ còn tranh thủ tuyên truyền người cao tuổi nâng cao cảnh giác trước thủ đoạn lừa đảo công nghệ cao.

Cảm động không kém là câu chuyện của chuyên viên Đinh Nguyễn Như Mai, Chi nhánh số 3. Khi hỗ trợ cụ bà bị tai biến nặng, mất khả năng vận động và giao tiếp nhưng vẫn nghe hiểu được, Tổ xung kích đã linh hoạt áp dụng cách hỏi ngắn gọn để cụ xác nhận bằng cách chớp mắt. Toàn bộ thủ tục pháp lý được hoàn thiện ngay tại giường bệnh, đúng pháp luật.

Những câu chuyện thực tế từ cán bộ trực tiếp đến địa bàn đã khắc họa rõ nét giá trị nhân văn của mô hình. Tuy nhiên, họ cũng thẳng thắn bày tỏ còn áp lực lớn về nguồn nhân lực, nguy cơ lừa đảo công nghệ, thiếu hụt hạ tầng công nghệ thông tin tại một số hộ dân, liên thông dữ liệu giữa các ngành đôi lúc chưa đồng bộ...

Để khắc phục, đội ngũ Tổ xung kích vừa tiếp nhận hồ sơ tại quầy vừa tranh thủ ngoài giờ, ngày nghỉ đến địa bàn, phối hợp chặt chẽ với Công an khu vực và Tổ trưởng tổ dân phố, tạo niềm tin cho người dân; mang theo laptop, máy quét cầm tay, phát wifi di động... để số hóa hồ sơ ngay tại chỗ. Việc đẩy mạnh kết nối dữ liệu liên thông cũng được chú trọng nhằm vận hành cơ chế “phi địa giới” mượt mà hơn.

Có thể thấy những “Tổ hành chính công xung kích” dần trở thành chiếc cầu nối rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và nhân dân. Với tinh thần “Đến trước nhu cầu - Tiên phong phục vụ”, những bước chân cán bộ xung kích đang lặng lẽ góp phần hiện thực hóa mục tiêu

xây dựng một nền hành chính Hà Nội hiện đại, gần dân - nơi mọi người đều được thụ hưởng trọn vẹn thành quả của phát triển.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: ĐẨY NHANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa ban hành Văn bản số 7070/UBND-VX về triển khai thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 16/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026.

Theo Ủy ban nhân dân thành phố, việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu về thực hiện kế hoạch, mà còn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tạo đột phá chiến lược, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện phải đi đôi với nâng cao chất lượng sử dụng vốn, kiên quyết chống lãng phí và tiêu cực. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân thành phố.

Nhằm tối ưu hóa các nguồn lực, lãnh đạo thành phố yêu cầu các đơn vị, địa phương khẩn trương rà soát, phân loại toàn bộ danh mục nhiệm vụ, dự án năm 2026 thành 3 nhóm: Nhóm đủ điều kiện triển khai, giải ngân; nhóm còn vướng mắc cần tập trung tháo gỡ; nhóm không còn khả năng thực hiện hoặc không bảo đảm tiến độ. Đặc biệt là các nhiệm vụ cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung; các nhiệm vụ được giao vốn năm 2025 từ nguồn tăng thu năm 2024 và đã được chuyển nguồn sang năm 2026, bảo đảm hoàn thành đồng bộ trong năm 2026.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Khoa học - Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các địa phương hoàn thành báo cáo kết quả khắc phục các hạn chế trong tổ chức thực hiện và giải ngân kinh phí trước ngày 7/8/2026.

Song song đó, cơ quan chức năng sẽ tiến hành đánh giá toàn diện năng lực đầu tư, mua sắm và thuê dịch vụ công nghệ số của tuyến cơ sở. Từ kết quả đánh giá, thành phố sẽ xây dựng phương án phân cấp nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp, tăng cường hỗ trợ và bố trí lực lượng chuyên môn trực tiếp cho Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu.

Nguồn: daibieunhandan.vn

SƠN LA: KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI XÃ MƯỜNG KHIÊNG

Ngày 6/8/2026, Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh về công tác cải cách hành chính đã có cuộc kiểm tra về công tác cải cách hành chính tại xã Mường Khiêng.

Nội dung kiểm tra tập trung vào công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; việc vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; tổ chức bộ máy, nhân sự; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật; ứng dụng công nghệ thông tin; quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; mức độ hài lòng của người dân; xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ của xã.

Từ đầu năm đến nay xã Mường Khiêng đã tiếp nhận 2.154 hồ sơ; giải quyết 2.139 hồ sơ. Đã ban hành 2.581 văn bản đạt 100% văn bản được ban hành, tiếp nhận, xử lý trên môi trường mạng; tỷ lệ ký số toàn xã đạt 96%; 100% hồ sơ tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được số hóa. Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 99%. Tuy nhiên, do trình độ của người dân còn chưa thành thạo, chưa quen với hình thức giao dịch qua mạng ảnh hưởng đến nộp hồ sơ trực tuyến

Đoàn kiểm tra ghi nhận những kết quả xã đạt được, đồng thời, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và hướng dẫn các giải pháp khắc phục. Đoàn đề nghị xã tiếp tục bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính, bảo đảm chất lượng và tiến độ đề ra.

Nguồn: baosonla.vn

BẮC NINH: THI ĐUA NÂNG CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, nhiều địa phương trong tỉnh Bắc Ninh phát động phong trào thi đua, xây dựng những mô hình sáng tạo, phù hợp. Qua đó tạo chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hỗ trợ bằng việc cụ thể

Chiều cuối tuần, ông Ngô Văn Tác (sinh năm 1950), thương binh 41%, trú tại tổ dân phố Thượng Mão, phường Mão Điền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công phường thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến chế độ chính sách. Tại đây, ông được cán bộ Trung tâm hướng dẫn sử dụng tài khoản định danh điện tử, quét, số hóa hồ sơ và nộp trực tuyến ngay tại quầy tiếp nhận. Không chỉ ông Tác, 100% công dân đến thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm đều được hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Theo anh Vương Hoàng Bắc, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Mão Điền, đây là kết quả sau 2 tháng triển khai phong trào thi đua “Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và số hóa hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính” do Ủy ban nhân dân phường phát động. Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp, từ ngày 1/6 đến nay, 100% hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm được số hóa, tiếp nhận trực tuyến và giải quyết đúng, trước hạn; trong đó, tỷ lệ giải quyết trước hạn đạt 99,98%.

Vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, khối lượng công việc tại cấp xã tăng, lượng hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh lớn. Căn cứ vào thực tế, các địa phương chủ động phát động thi đua, lựa chọn mô hình hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phù hợp. Ở xã Bắc Lũng, địa phương lựa chọn cách làm gần dân, sát dân thông qua việc phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn viên thanh niên và các tổ chức đoàn thể trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng số, sử dụng tài khoản định danh điện tử, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

Từ đầu năm đến nay, các nhóm chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của xã đều tăng so với năm 2025, nổi bật như: 100% hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến, trong đó tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến toàn trình chiếm 97,76%; 100% hồ sơ được số hóa... Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Tân Tiến, ngay từ đầu năm, Trung tâm đặt mục tiêu 100% người dân đến thực hiện thủ tục hành chính được hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% hồ sơ thuộc diện số hóa được thực hiện đầy đủ.

Động lực nâng cao chất lượng phục vụ

Theo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh tiếp nhận hơn 1,27 triệu hồ sơ thủ tục hành chính. Trong đó, cấp tỉnh tiếp nhận hơn 412 nghìn hồ sơ, tỷ lệ tiếp nhận trực tuyến đạt 98,17%; cấp xã tiếp nhận hơn 860 nghìn hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 86%. Cùng đó, 95,91% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; toàn tỉnh tái sử dụng 833.549 hồ sơ số hóa, đạt tỷ lệ 88,22%...

Tuy nhiên, qua theo dõi, đánh giá, tại một số địa phương còn hồ sơ quá hạn; tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn thấp, phần lớn vẫn cần sự hỗ trợ của cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, hạ tầng kỹ thuật và việc kết nối, liên thông dữ liệu với một số hệ thống chuyên ngành chưa thật sự ổn định; một số dịch vụ chưa được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, ảnh hưởng đến việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu cũng như trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp...

Nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số, tạo động lực nâng cao chất lượng phục vụ, ngày 26/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua “Hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nâng cao hiệu quả số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính gắn với khai thác, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng chuyển đổi số trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông”.

Căn cứ vào thực tế tại cơ sở, các địa phương đẩy mạnh tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội và các hội nghị ở khu dân cư. Nhiều nơi bố trí cán bộ thường trực tại bộ phận tiếp nhận để hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực

tuyến; đồng thời phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số.

Nguồn: baobacninhthv.vn

HUNG YÊN: SIẾT TRÁCH NHIỆM, KHÔNG ĐỂ NGƯỜI DÂN BỊ KÉO DÀI THỦ TỤC ĐẤT ĐAI

Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, một số người dân kiến nghị, phản ánh về việc cán bộ của một số xã, phường và cán bộ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực chậm giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ).

Có địa phương, đơn vị không tiếp nhận hồ sơ, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc yêu cầu thêm giấy tờ, phát sinh thêm thủ tục hành chính, gây khó khăn, phiền hà và bức xúc cho người dân.

Trước thực trạng vừa nêu, bà Chu Ngọc Hoa Liễu, Bí thư Đảng ủy xã Đức Hợp đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên cần có giải pháp đột phá để đẩy nhanh công tác cấp sổ đỏ cho người dân, cũng như việc cải cách thủ tục hành chính về đất đai, nhằm giảm phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

Liên quan nội dung trên, ông Nguyễn Đức Kiên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên, cho biết đã nắm được tình hình. Sở đã thành lập 4 Đoàn kiểm tra hướng dẫn 41 xã, phường chưa thực hiện cấp cấp sổ đỏ cho người dân, kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Về giải pháp khắc phục tình trạng chậm cấp sổ đỏ cho người dân, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên cho biết thêm Sở đã chủ động tham mưu cho tỉnh ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách và quy định để triển khai Luật Đất đai, giúp cấp xã thuận lợi trong thực hiện nhiệm vụ.

Cùng đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng trình tự thủ tục hành chính về đất đai theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết, tạo thuận lợi cho người dân doanh nghiệp.

Mặt khác, Sở Nông nghiệp và Môi trường cũng đề nghị Ủy ban Nhân dân các xã, phường kịp thời chấn chỉnh trong công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, đăng ký, cấp sổ đỏ; thường xuyên chỉ đạo kiểm tra công vụ, kịp thời xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức trong việc không tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, có hành vi gây phiền hà, sách nhiễu hoặc cố tình kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong việc đăng ký đất đai, cấp sổ đỏ.

Ông Nguyễn Đức Kiên nhấn mạnh, Sở giao Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các khu vực, chấn chỉnh đối với cán bộ, viên chức trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký, cấp đổi sổ đỏ của người dân; việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các khu vực phối hợp với Ủy ban Nhân dân các xã, phường giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc đăng ký, cấp sổ đỏ cho người dân trên địa bàn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu Chi nhánh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và xử lý nghiêm đối với cán bộ, viên chức trong việc không tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính, có hành vi gây phiền hà, sách nhiễu hoặc cố tình kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong việc đăng ký, cấp đổi sổ đỏ cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu của Chi nhánh trong việc để xảy ra vi phạm.

Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, trong 6 tháng đầu năm, Sở đã tiếp nhận, giải quyết đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cho 41 tổ chức, xác nhận nội dung thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp cho 7 tổ chức tương ứng 47 Giấy chứng nhận; đính chính Giấy chứng nhận đã cấp cho 1 tổ chức, tương ứng 6 giấy chứng nhận.

Văn phòng Đăng ký đất đai Hưng Yên đã thực hiện cấp, xác nhận 64.498 giấy chứng nhận; thực hiện đăng ký biến động xác nhận trên giấy chứng nhận đã cấp 9.361 giấy chứng nhận.

Nguồn: vietnamplus.vn

THANH HÓA: XÃ YÊN ĐỊNH THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI THÔN

Sáng ngày 6/8/2026, tại Nhà văn hóa thôn Định Tăng, Ủy ban nhân dân xã Yên Định tổ chức lễ ra mắt thí điểm mô hình hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên nền tảng số.

Tại buổi lễ, Ủy ban nhân dân xã công bố quyết định thành lập mô hình, đồng thời phát động đợt cao điểm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến tại thôn Định Tăng.

Ngay sau lễ ra mắt, các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng thôn Định Tăng và đoàn viên thanh niên đã trực tiếp hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID, đăng ký tài khoản dịch vụ công, nộp hồ sơ trực tuyến và thực hiện các thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Ghi nhận ngay trong ngày đầu triển khai, đông đảo người dân đã đến thực hiện các thủ tục như: xác nhận tình trạng hôn nhân, hưởng hưu trí xã hội đối với người từ 75 tuổi, cấp bản sao giấy khai sinh, đăng ký hộ kinh doanh và tra cứu thông tin quy hoạch.

Thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng sẽ luân phiên trực tại nhà văn hóa thôn trong giờ hành chính các ngày làm việc để hỗ trợ người dân.

Sau 3 tháng thí điểm, xã Yên Định sẽ tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình tại tất cả 12 thôn trên địa bàn, góp phần hoàn thiện mạng lưới điểm hỗ trợ dịch vụ công, nâng cao hiệu quả chuyển đổi số và cải cách hành chính.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN THỰC HIỆN CAO ĐIỂM XỬ LÝ DỨT ĐIỂM CÁC “ĐIỂM NGHẼN” CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 3/8/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cho biết, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh vừa ban hành Kế hoạch về hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trên địa bàn.

Đợt ra quân 100 ngày tập trung giải quyết các nhiệm vụ về hạ tầng số tập trung xử lý điểm lỗi sóng và thiếu điện tại trụ sở công.

Nhiệm vụ này được giao cho Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương thực hiện rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục, phương án gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương trước ngày 7/8/2026.

Ban Chỉ đạo yêu cầu phải hoàn thành xử lý 100% điểm lỗi sóng và thiếu điện tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trước ngày 30/11/2026.

Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các địa phương rà soát, tổng hợp nhu cầu trang thiết bị đầu cuối phục vụ người dân trên địa bàn toàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 7/8/2026; hoàn thành mua sắm, bảo đảm 100% Trung tâm phục vụ hành chính công và cán bộ giải quyết thủ tục hành chính có thiết bị đạt yêu cầu trước ngày 30/11/2026.

Công an tỉnh và các cơ quan chủ quản hoàn thành hồ sơ cấp độ bảo đảm an toàn an ninh thông tin, kiểm thử xâm nhập trước khi vận hành; hoàn thành kết nối 24/7 với Trung tâm An ninh mạng quốc gia đối với các hệ thống cấp độ 3 trở lên trước ngày 30/11/2026.

Về dữ liệu số, giao Sở Khoa học và Công nghệ rà soát tham mưu ban hành khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu của tỉnh; thử nghiệm “Nền tảng điều hành số thời gian thực tỉnh Nghệ An” kết nối, liên thông tại 54 cơ quan, đơn vị và xã, phường; đánh giá, nhân rộng (nếu khả thi) trong năm 2026.

Về dịch vụ công trực tuyến, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lựa chọn, ban hành danh mục tối thiểu 5 thủ tục hành chính tần suất cao để tái thiết kế quy trình theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, giảm thao tác trên môi trường số; tổ chức thực hiện, kiểm thử, đánh giá hiệu quả.

Về kinh tế số, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, công bố danh mục dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu của tỉnh có thể khai thác an toàn; chuẩn hóa, công bố tài liệu API và điều kiện sử dụng.

Về nguồn nhân lực, các ban, sở, ngành, các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên

trách chuyển đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP, bảo đảm 100% người đủ điều kiện được rà soát, lập danh sách, phê duyệt và thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định; các vướng mắc về hướng dẫn, thủ tục được xử lý.

Đợt cao điểm diễn ra từ ngày 10/7 đến 30/11/2026, nhằm cụ thể hóa Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW ngày 11/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương, tập trung xử lý dứt điểm các vướng mắc, tạo bước chuyển biến thực chất, giúp hệ thống chính trị hai cấp vận hành thông suốt, an toàn và dựa trên dữ liệu.

Nguồn: nhandan.vn

QUẢNG TRỊ: HIỆU LỰC MỚI TỪ NỀN HÀNH CHÍNH SỐ

Đối với tỉnh Quảng Trị, từ đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đến chuyển biến trong hoạt động của chính quyền và sự đồng hành của người dân đang tạo nên diện mạo mới về năng lực quản trị địa phương.

Chính quyền gần dân hơn trên môi trường số

Từ một phản ánh hiện trường của người dân đăng tải trên trang QUANGTRI-S, Phòng Giám sát, điều hành thông minh, Trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị) tiến hành tiếp nhận, xác minh thông tin, sau đó điều phối về các đơn vị, địa phương có liên quan trực tiếp để xử lý trong thời gian sớm nhất, nhanh nhất. Quá trình đảm bảo công khai, minh bạch có sự giám sát chặt chẽ của người dân cũng như lãnh đạo và cấp ủy theo đúng quy trình.

Theo ông Đặng Ngọc Hùng, Giám đốc Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường Đồng Hới, đối với các phản ánh của người dân, đơn vị sẽ tiếp nhận, phân loại và xử lý. Trường hợp phát sinh vướng mắc hoặc liên quan đến nhiều lĩnh vực thuộc thẩm quyền của đơn vị khác, Trung tâm chủ động phối hợp với các phòng, ban chuyên môn xử lý, bảo đảm đúng quy định và đáp ứng yêu cầu của người dân.

Ngoài ra, địa phương khai thác tối đa nhiều kênh thông tin khác như, Zalo OA của phường, fanpage, các nhóm Zalo của Ủy ban Nhân dân phường, lãnh đạo các phòng, ban và 25 tổ dân phố. Người dân có thể phản ánh trực tiếp đến lãnh đạo Ủy ban Nhân dân phường hoặc thông qua các trưởng tổ dân phố.

Bà Lê Thị Hoa, phường Đồng Thuận cho biết, trước đây, khi phát hiện tình trạng rác thải, hư hỏng hạ tầng hay lấn chiếm lòng, lề đường, người dân không biết phản ánh đến đâu hoặc phải chờ xử lý khá lâu. Nay thông qua ứng dụng phản ánh hiện trường và các kênh trực tuyến của địa phương, các kiến nghị được tiếp nhận, xử lý nhanh hơn, nhiều vụ việc được giải quyết kịp thời.

Điều này tạo sự thuận tiện cho người dân, góp phần giữ gìn môi trường, trật tự đô thị và nâng cao niềm tin của người dân đối với chính quyền... Những đánh giá tích cực từ người dân

cũng là minh chứng cho hiệu quả bước đầu của việc ứng dụng công nghệ trong tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường.

Không chỉ mang lại hiệu quả, chuyển đổi số còn tạo những thay đổi rõ nét trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ sở. Việc ứng dụng công nghệ giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm chi phí và số lần đi lại cho người dân; đồng thời nâng cao tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết công việc. Qua đó, chính quyền từng bước xây dựng nền hành chính phục vụ, gần dân, sát dân và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Đồng Hới đã đưa robot thông minh vào hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đến giải quyết các thủ tục hành chính. Vận hành từ tháng 6/2026, robot AI giúp giải đáp các câu hỏi thường gặp, hướng dẫn quy trình thực hiện thủ tục hành chính và hỗ trợ chỉ dẫn ngay tại trung tâm.

Đồng thời giảm áp lực cho đội ngũ công chức ở khâu tư vấn ban đầu, tạo điều kiện để người dân làm quen với các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thực hiện dịch vụ công

Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Đồng Hới Trần Nam Sơn cho biết, việc đưa robot thông minh vào hoạt động là một trong những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương chuyển đổi số của Đảng và chính quyền địa phương, hướng đến xây dựng nền hành chính hiện đại, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Robot hỗ trợ người dân tra cứu nhanh các quy định, thành phần hồ sơ, quy trình thực hiện thủ tục hành chính; nhờ khả năng tương tác trực tiếp, dễ sử dụng góp phần rút ngắn thời gian tìm kiếm thông tin, giảm áp lực cho bộ phận hướng dẫn và nâng cao chất lượng phục vụ.

Thời gian tới, Trung tâm tiếp tục triển khai đồng bộ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo kiến trúc thống nhất của Trung ương và địa phương, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan. Đơn vị đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong kiểm soát, thống kê, phân tích, hỗ trợ xử lý hồ sơ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy, xây dựng chính quyền số công khai, minh bạch và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng dùng chung đang trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực để nâng cao năng lực dự báo, giám sát, ra quyết định, từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên số.

Hiệu lực mới trong điều hành

Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Quảng Trị cho biết, trong 6 tháng đầu năm, địa phương đạt nhiều kết quả nổi bật được ghi nhận trên các lĩnh vực từ hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số đến xây dựng dữ liệu số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Đặc biệt, trong chính quyền số, có 100% dịch vụ công trực tuyến tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; hơn 96% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến; tiếp nhận hơn 345 nghìn hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt gần 95%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử và số hóa hồ sơ đều trên 95%.

Việc phát triển nguồn nhân lực số đạt được nhiều kết quả cao như: Tổ chức 18 lớp bồi dưỡng kỹ năng số cho gần 1.000 học viên; trên 97% cán bộ, công chức cấp tỉnh và hơn 75%

cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số; toàn tỉnh có 1.903 Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ Đề án 06 với hơn 14.136 thành viên...

Đây không chỉ là bước tiến về ứng dụng công nghệ mà còn góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, tạo nền tảng quan trọng để xây dựng chính quyền số hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình chuyển đổi số vẫn đối mặt không ít khó khăn, thách thức. Việc bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật dữ liệu ngày càng đặt ra yêu cầu cao, trong khi khả năng liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa một số hệ thống còn chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác và sử dụng. Cùng với đó, nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ có kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ mới vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Theo ông Nguyễn Văn Phương, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I đã xác định mục tiêu xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng Quảng Trị phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số.

Thời gian tới, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo một số định hướng, giải pháp lớn: Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm hành lang pháp lý thông thoáng, đồng bộ; ưu tiên bố trí nguồn lực, ngân sách, thu hút nhân lực chất lượng cao.

Đồng thời đẩy mạnh xây dựng hạ tầng dữ liệu số của Đảng bộ tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, liên thông và dùng chung, lấy dữ liệu làm nền tảng cho đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát theo hướng chuyển mạnh từ đánh giá theo tiến độ, số lượng văn bản sang đánh giá theo sản phẩm đầu ra, hiệu quả thực chất, tác động cụ thể đối với đời sống nhân dân; duy trì cơ chế giám sát trực tuyến theo thời gian thực đã bước đầu phát huy hiệu quả.

Thực tiễn cho thấy, khi công nghệ số được ứng dụng sâu rộng, khoảng cách địa lý được thu hẹp, thông tin truyền tải nhanh chóng, minh bạch và chính xác hơn; đồng thời tạo điều kiện để đảng viên tiếp cận tri thức mới, nâng cao năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới. Những chuyển động từ tỉnh Quảng Trị nói riêng và các địa phương khác trong cả nước nói chung hôm nay chính là nền tảng để xây dựng tổ chức đảng hiện đại, chuyên nghiệp, thích ứng xu thế phát triển của thời đại số.

Chuyển đổi số vì thế không chỉ là câu chuyện của công nghệ mà còn là sự đổi mới về tư duy, phương thức lãnh đạo và năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Khi mỗi đảng viên trở thành một “công dân số” tiên phong, làm chủ công nghệ và lan tỏa tinh thần đổi mới, những mục tiêu lớn Nghị quyết số 57-NQ/TW đặt ra sẽ có thêm động lực để trở thành hiện thực, góp phần xây dựng đất nước phát triển nhanh, bền vững và vững bước trong kỷ nguyên số.

Nguồn: vietnamplus.vn

GIA LAI MỞ KÊNH CHÍNH THỨC TIẾP NHẬN CÂU HỎI, KIẾN NGHỊ CỦA NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai vừa ban hành Thông báo số 1371/TB-VPUBND ngày 04/8/2026 về triển khai Chuyên mục “Người dân, doanh nghiệp hỏi - Chính quyền tỉnh Gia Lai trả lời”. Đây là kênh thông tin chính thức để tiếp nhận các câu hỏi, phản ánh, kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư; đồng thời theo dõi, đôn đốc việc xử lý đến khi có kết quả theo quy định.

Với thông điệp “Lắng nghe để thấu hiểu - Hành động để phục vụ”, Chuyên mục tiếp nhận các câu hỏi, phản ánh, kiến nghị, đề xuất liên quan đến chủ trương, chính sách, định hướng phát triển của tỉnh, thủ tục hành chính và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sinh sống, đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Mọi nội dung gửi đến Chuyên mục đều được chuyển đến cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, trả lời và giải quyết theo quy định; đối với những nội dung phát sinh nhiệm vụ phải tổ chức thực hiện, Chuyên mục tiếp tục theo dõi, đôn đốc đến khi có kết quả và thông tin lại cho người gửi.

Một số câu hỏi, phản ánh, kiến nghị có tính phổ biến, được nhiều người dân, doanh nghiệp quan tâm sẽ được lựa chọn để phát sóng theo chuyên đề trên Chương trình thời sự buổi tối thứ Tư của tuần thứ hai và tuần thứ tư hằng tháng trên kênh truyền hình Gia Lai (GTV). Các câu hỏi không được lựa chọn phát sóng vẫn được tiếp nhận, xem xét, trả lời và thông tin kết quả đến người gửi theo quy định.

Người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư có thể gửi câu hỏi qua Cổng Thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, Cổng Giao tiếp điện tử tỉnh Gia Lai, thư điện tử của Chuyên mục hoặc quét mã QR được công bố kèm theo Thông báo. Khi gửi câu hỏi, người gửi cần cung cấp thông tin cá nhân và thông tin liên hệ để phục vụ việc xác thực, trao đổi, làm rõ nội dung khi cần thiết. Chuyên mục không tiếp nhận các câu hỏi liên quan đến bí mật nhà nước, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, vụ việc đang được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết hoặc các nội dung không đủ điều kiện công khai, có dấu hiệu giả mạo hoặc vi phạm pháp luật.

Theo dự kiến, trong năm 2026, Chuyên mục sẽ thực hiện 8 chuyên đề, tập trung vào những nội dung được người dân, doanh nghiệp quan tâm, gồm:

- Giữa tháng 8/2026: Đất đai, giải phóng mặt bằng và các dự án trọng điểm - Tháo gỡ điểm nghẽn để thúc đẩy phát triển.
- Cuối tháng 8/2026: Gia Lai đồng hành cùng doanh nghiệp và nhà đầu tư - Phát triển kinh tế tư nhân.
- Giữa tháng 9/2026: Gia Lai hành động để đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,2%.
- Cuối tháng 9/2026: Xây dựng chính quyền phục vụ - Cải cách hành chính - Chuyển đổi số.
- Giữa tháng 10/2026: Nông nghiệp công nghệ cao - Truy xuất nguồn gốc - Phát triển chuỗi giá trị nông sản.

- Cuối tháng 10/2026: Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, AI và chuyển đổi số - Động lực phát triển mới của Gia Lai.
- Giữa tháng 11/2026: An sinh xã hội - Y tế - Giáo dục - Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.
- Cuối tháng 11/2026: Gia Lai nhìn lại năm 2026 và mục tiêu năm 2027.

Thông qua Chuyên mục, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kỳ vọng tạo thêm kênh kết nối hiệu quả giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư; góp phần kịp thời tiếp nhận, giải đáp những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả hoạt động của nền hành chính tỉnh.

Nguồn: gialai.gov.vn

TÂY NINH: CÁN BỘ LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG ĐƯỢC NHẬN HỖ TRỢ TIỀN HẰNG THÁNG

Từ ngày 01/8/2026, cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn Tây Ninh bắt đầu được hưởng mức hỗ trợ 3 triệu đồng/người/tháng (theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 17/7/2026).

Để triển Nghị quyết trên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Phạm Tấn Hòa yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường cùng các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ hỗ trợ đối với người làm việc tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã; đồng thời, lập hồ sơ, đề nghị bổ sung dự toán kinh phí và thực hiện chi trả chế độ hỗ trợ theo đúng quy định. Sở Tài chính được giao phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí bảo đảm việc thực hiện.

Đối tượng được hưởng chính sách gồm: cán bộ, công chức, viên chức và viên chức quản lý được cơ quan có thẩm quyền cử đến làm việc tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. Đây là lực lượng trực tiếp tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Mức hỗ trợ được áp dụng là 3 triệu đồng/người/tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các trung tâm. Ngoài ra, nhân viên hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và lao công làm việc thường xuyên tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã được hỗ trợ 100.000 đồng/người/tháng.

Trường hợp một người đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ hỗ trợ khác nhau, chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất. Người được bố trí làm việc tại nhiều đơn vị chỉ hưởng hỗ trợ tại đơn vị

trực tiếp làm việc. Những trường hợp nghỉ việc từ 7 ngày làm việc trở lên trong tháng hoặc nghỉ không hưởng lương sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ của tháng đó.

Việc triển khai chính sách hỗ trợ diễn ra trong bối cảnh Tây Ninh đang tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm phục vụ hành chính công các cấp sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Chính sách không chỉ góp phần động viên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận một cửa mà còn hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ.

Nguồn: baotintuc.vn

ĐỒNG NAI: ĐỀ ÁN 05 - ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ, KIẾN TẠO CHÍNH QUYỀN SỐ

Cải cách hành chính luôn được thành phố Đồng Nai xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tại hội nghị tập huấn cải cách hành chính trên địa bàn thành phố mới đây, Phó Giám đốc Sở Nội vụ Hà Thanh Tùng cho biết: Ngày 03/7/2026, Thành ủy Đồng Nai đã ban hành Đề án số 05-ĐA/TU về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh giai đoạn 2026 - 2030”.

Việc Thành ủy ban hành Đề án 05 là bước tiếp nối những kết quả cải cách hành chính đã đạt được, đồng thời tạo động lực mới để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố trong giai đoạn mới. Đề án được ban hành khi cả nước và Đồng Nai đồng thời triển khai các kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện từ thành phố đến cơ sở.

Đề án cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế như: chất lượng cải cách hành chính chưa đồng đều; số hóa, kết nối và tái sử dụng dữ liệu còn hạn chế; hạ tầng, kỹ năng số và tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu. Từ thực tiễn đó, Thành ủy xác định cải cách hành chính không chỉ là đơn giản hóa thủ tục mà phải đổi mới phương thức quản trị trên nền tảng số và dữ liệu, tạo nền tảng xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh.

Điểm nổi bật của Đề án 05 không chỉ nằm ở hệ thống mục tiêu đến năm 2030 mà trước hết là sự thay đổi tư duy cải cách hành chính. Đề án nhấn mạnh mọi chủ trương, giải pháp phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; chuyển từ “quản lý hành chính” sang “điều hành theo mục tiêu, tiến độ và sản phẩm”, từ “giải quyết hồ sơ” sang “phục vụ người dân, doanh nghiệp”.

Một nội dung nổi bật là thành phố sẽ triển khai nền tảng số đo lường hiệu quả công chức dựa trên số lượng, chất lượng và tiến độ sản phẩm đầu ra theo vị trí việc làm, từng bước đổi mới phương thức quản trị và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức.

Tại xã Thiện Hưng, địa phương đang ưu tiên đầu tư Trung tâm Phục vụ hành chính công và hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. Đặc biệt, 100% cán bộ, công chức của xã đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu văn bản, tra cứu thông tin và xử lý công việc, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

Đây cũng là cách chuyển các mục tiêu của đợt thi đua đặc biệt 500 ngày đêm thành những kết quả cụ thể trong hoạt động của từng cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức.

Hướng tới chính quyền số

Không dừng lại ở việc xác lập quan điểm và giải pháp, Đề án 05 còn xây dựng hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nhằm đo lường hiệu quả cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030. Điểm nổi bật là các mục tiêu đều hướng đến xây dựng nền hành chính hiện đại, vận hành chủ yếu trên môi trường số và dữ liệu.

Theo đó, đến năm 2030, thành phố phấn đấu 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp toàn trình; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết cải cách hành chính được số hóa; tối thiểu 90% hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến... Đề án cũng đặt mục tiêu đến năm 2028 phấn đấu 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, từng bước hình thành nền hành chính số, quản trị bằng dữ liệu và nâng cao hiệu quả điều hành.

Có thể thấy, Đề án 05 mở ra cách tiếp cận mới trong quản trị nhà nước, lấy dữ liệu làm nền tảng, CDS làm động lực và sự hài lòng của người dân làm thước đo. Việc triển khai đồng bộ Đề án 05 gắn với đợt thi đua đặc biệt 500 ngày đêm sẽ góp phần xây dựng nền hành chính số hiện đại, minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Nguồn: baodongnai.vn

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DỰA TRÊN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ: KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM VÀ CON ĐƯỜNG HIỆN THỰC HÓA

Mọi cải cách lớn đều bắt đầu từ nhận thức đúng. Quốc gia bứt phá không chỉ nhờ nguồn lực, mà trước hết nhờ xác lập được cách hiểu đúng về mục tiêu và con đường phát triển. Nhận thức rõ thì hành động tập trung; nhận thức lệch thì nguồn lực bị phân tán. Trong bối cảnh hiện nay, khi khoa học, công nghệ và chuyển đổi số được đặt ở trung tâm, việc làm rõ khái niệm “đổi mới mô hình phát triển” trở nên cấp thiết. Nếu không, chúng ta dễ đồng nhất phát triển với ứng dụng công nghệ hoặc coi chuyển đổi số là mục tiêu tự thân. Vì vậy, cần trả lời câu hỏi cốt lõi: đổi mới mô hình phát triển thực chất là gì?

Lý luận về mô hình phát triển mới

Trong giai đoạn đầu, tăng trưởng là thước đo trung tâm của phát triển. Nhưng khi nền kinh tế đạt tới trình độ nhất định, những giới hạn của cách tiếp cận này cho thấy tăng trưởng có thể đi kèm bất bình đẳng, suy thoái môi trường và phân hóa cơ hội. Do đó, phát triển cần được hiểu rộng hơn không chỉ tạo ra nhiều của cải, mà còn phân bổ cơ hội công bằng hơn, nâng cao chất lượng sống và bảo đảm năng lực quốc gia. Ở nghĩa đầy đủ, phát triển là sự gia tăng đồng thời của bốn giá trị: thịnh vượng, công bằng, chất lượng sống và hùng cường. Đây là sự chuyển dịch từ “tăng trưởng về lượng” sang “phát triển về chất”. Nếu tiếp tục đồng nhất hai khái niệm này, công nghệ sẽ chỉ được dùng để tăng năng suất. Ngược lại, nếu hiểu phát triển theo nghĩa rộng, thì công nghệ phải phục vụ những mục tiêu lớn hơn của xã hội.

Một hạn chế phổ biến hiện nay là thường coi khoa học, công nghệ và chuyển đổi số như những mục tiêu cần đạt. Cách tiếp cận này dễ làm mờ bản chất vấn đề. Thực chất, đây là những động lực có khả năng cấu trúc lại toàn bộ mô hình phát triển. Nếu chỉ ứng dụng công nghệ, ta cải tiến cái cũ; nếu khai thác đúng vai trò, ta có thể thiết kế lại cách hệ thống vận hành.

Khác biệt cốt lõi là mô hình cũ dựa vào vốn, lao động, tài nguyên. Mô hình mới dựa vào tri thức, công nghệ và dữ liệu. Điều này không chỉ thay đổi cách tạo ra của cải, mà còn thay đổi cấu trúc kinh tế, cách phân bổ cơ hội và phương thức quản trị. Tuy nhiên, công nghệ không tự động tạo ra sự phát triển tốt đẹp. Nó có thể làm gia tăng bất bình đẳng hoặc rủi ro nếu thiếu thể chế phù hợp. Vì vậy, chỉ khi được đặt trong một cấu trúc khuyến khích đúng, công nghệ mới thực sự trở thành động lực của phát triển bao trùm và bền vững.

Để đổi mới mô hình phát triển trong kỷ nguyên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, điều kiện tiên quyết là phải có một khuôn khổ khái niệm đủ rõ ràng để định hướng hành động. Khi thiếu một cách hiểu thống nhất, chính sách dễ phân tán, nguồn lực bị dàn trải và các nỗ lực cải cách khó tạo thành một chỉnh thể hiệu quả.

Một mô hình phát triển, vì vậy, không thể chỉ là tập hợp các mục tiêu hay chương trình hành động mà phải được nhìn nhận như một cấu trúc lô-gic liên kết giữa mục tiêu, động lực,

thể chế và cách thức vận hành của toàn bộ hệ thống kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không còn là những yếu tố bổ sung, mà cần được tích hợp như các lực lượng trung tâm, có khả năng cấu trúc lại cả nền kinh tế lẫn phương thức quản trị quốc gia. Từ cách tiếp cận đó, khuôn khổ khái niệm của mô hình phát triển mới có thể được làm rõ qua ba thành tố cơ bản là mục tiêu, động lực và cấu trúc.

Thứ nhất, về mục tiêu phát triển. Trong cách tiếp cận truyền thống, phát triển thường được đo lường chủ yếu bằng tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, cách hiểu này không còn đủ để phản ánh yêu cầu của giai đoạn mới. Mô hình phát triển dựa trên khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đòi hỏi phải xác định lại mục tiêu theo hướng toàn diện và cân bằng hơn.

Theo đó, phát triển cần được hiểu như một cấu trúc đa chiều, bao gồm bốn nhóm giá trị cốt lõi là thịnh vượng kinh tế, công bằng và bao trùm xã hội, chất lượng sống, năng lực quốc gia hay tính hùng cường. Thịnh vượng tạo nền tảng vật chất; công bằng bảo đảm sự ổn định; chất lượng sống phản ánh ý nghĩa thực chất của phát triển bao gồm cả việc sống hài hòa với thiên nhiên; hùng cường là điều kiện để duy trì và bảo vệ thành quả trong dài hạn. Những mục tiêu này không tồn tại tách rời, mà tương tác và củng cố lẫn nhau, tạo nên nội hàm đầy đủ của phát triển trong kỷ nguyên mới. Vì vậy, đổi mới mô hình phát triển không chỉ nhằm đạt tăng trưởng nhanh hơn, mà hướng tới một trạng thái phát triển tốt đẹp hơn, trong đó nền kinh tế năng động hơn, xã hội công bằng hơn và quốc gia đủ mạnh để chủ động định hình tương lai.

Thứ hai, về động lực phát triển. Nếu mục tiêu xác định cái đích, thì động lực quyết định con đường và tốc độ đi tới đích đó. Trong mô hình truyền thống, tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, lao động và tài nguyên. Tuy nhiên, các yếu tố này đang dần chạm tới giới hạn, cả về hiệu quả lẫn tính bền vững.

Trong bối cảnh đó, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nổi lên như những động lực mới, với đặc điểm nổi bật là không bị ràng buộc bởi giới hạn vật lý, mà có khả năng tạo ra giá trị theo cấp số nhân thông qua tri thức và dữ liệu. Khoa học, công nghệ làm thay đổi phương thức sản xuất; đổi mới sáng tạo chuyển hóa tri thức thành giá trị; còn chuyển đổi số tạo ra một hạ tầng mới, trong đó dữ liệu trở thành nền tảng của mọi quyết định.

Điểm cốt lõi là những động lực này không chỉ giúp nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn, mà còn làm cho nền kinh tế phát triển theo một cách khác: Thay đổi cấu trúc ngành nghề, cách thức tạo ra việc làm, phương thức phân bổ cơ hội và cách Nhà nước tương tác với xã hội. Nói cách khác, chúng có khả năng cấu trúc lại toàn bộ mô hình phát triển, chứ không chỉ cải thiện hiệu quả của mô hình cũ. Tuy nhiên, công nghệ không tự động dẫn đến kết quả phát triển mong muốn. Nếu thiếu thể chế phù hợp, nó có thể làm gia tăng bất bình đẳng hoặc rủi ro. Vì vậy, vai trò của các động lực này chỉ thực sự phát huy khi được đặt trong một cấu trúc khuyến khích đúng hướng phục vụ các mục tiêu phát triển rộng hơn.

Thứ ba, về cấu trúc kinh tế - xã hội. Nếu các động lực mới có khả năng cấu trúc lại quá trình phát triển, thì bản thân nền kinh tế và xã hội cũng phải được tổ chức lại để hấp thụ và phát huy các động lực đó. Một mô hình mới không thể vận hành hiệu quả trên một cấu trúc cũ.

Trong mô hình truyền thống, cấu trúc kinh tế dựa nhiều vào các ngành sử dụng lao động và tài nguyên, với lợi thế chi phí thấp. Ngược lại, trong mô hình mới, cấu trúc dần chuyển sang dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nơi giá trị được tạo ra từ chất lượng ý tưởng và năng lực tổ chức. Quá trình chuyển đổi này thể hiện qua sự hình thành của một nền kinh tế số, trong đó dữ liệu trở thành yếu tố sản xuất; sự nổi lên của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo như lực lượng trung tâm; sự phát triển của một xã hội học tập, nơi con người liên tục cập nhật kỹ năng để thích ứng với thay đổi. Đồng thời, thị trường tri thức và dữ liệu cũng dần hình thành, cho phép các tài sản trí tuệ được lưu thông và khai thác như nguồn lực kinh tế thực sự.

Điểm đáng chú ý là cấu trúc này không chỉ phục vụ tăng trưởng, mà còn có khả năng mở rộng cơ hội và thúc đẩy tính bao trùm. Tuy nhiên, nếu không được thiết kế và điều tiết phù hợp, nó cũng có thể tạo ra những dạng bất bình đẳng mới. Vì vậy, sự chuyển đổi cấu trúc không thể diễn ra một cách tự phát, mà phải được dẫn dắt bởi thể chế. Chính thể chế sẽ quyết định cách các nguồn lực mới được phân bổ, cách cơ hội được chia sẻ và cách rủi ro được kiểm soát. Và đó cũng là lý do vì sao, sau khi xác định mục tiêu và động lực, vấn đề trung tâm tiếp theo là vai trò của thể chế trong việc hiện thực hóa mô hình phát triển mới.

Lô-gic nội tại của việc vì sao mô hình phát triển mới có thể tạo ra sự phát triển tốt đẹp và hùng cường

Việc xác lập một khuôn khổ khái niệm cho mô hình phát triển mới là cần thiết, nhưng chưa đủ. Câu hỏi quyết định là vì sao mô hình này có thể tạo ra một quỹ đạo phát triển vượt trội so với mô hình truyền thống? Nói cách khác, điều gì bảo đảm rằng việc đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào vị trí trung tâm sẽ không chỉ thúc đẩy tăng trưởng, mà còn làm cho xã hội trở nên công bằng hơn, đời sống tốt đẹp hơn và quốc gia hùng cường hơn.

Câu trả lời không nằm ở bản thân công nghệ, mà ở lô-gic vận hành của hệ thống khi các động lực mới được tích hợp vào cấu trúc kinh tế - xã hội và được điều phối bởi một thể chế phù hợp. Khi đó, công nghệ và dữ liệu không chỉ làm tăng năng suất, mà còn thay đổi cách phân bổ cơ hội, cách ra quyết định và cách giải quyết các vấn đề phát triển. Từ góc độ đó, có thể nhận diện năm cơ chế cốt lõi giải thích vì sao mô hình này có khả năng tạo ra kết quả vượt trội:

Một là, tăng trưởng dựa trên tri thức - nền tảng của phát triển bền vững và chất lượng cao. Trong mô hình truyền thống, tăng trưởng chủ yếu dựa vào việc gia tăng các yếu tố đầu vào, như vốn, lao động và tài nguyên - những yếu tố sớm chạm tới giới hạn. Khi chi phí tăng và hiệu quả giảm, tăng trưởng trở nên khó duy trì.

Ngược lại, trong mô hình mới, tri thức trở thành yếu tố quyết định năng suất. Khác với tài nguyên vật chất, tri thức có thể tích lũy và lan tỏa với chi phí cận biên rất thấp, cho phép tạo ra tăng trưởng theo chiều sâu, bền vững hơn và ít phụ thuộc vào nguồn lực hữu hạn. Đồng thời, tăng trưởng dựa trên tri thức gắn với đổi mới liên tục, giúp nền kinh tế thích ứng tốt hơn trong môi trường biến động. Đặc biệt, tri thức và công nghệ không chỉ làm tăng sản lượng, mà còn cải thiện chất lượng sống thông qua những tiến bộ trong y tế, giáo dục và môi trường.

Tuy nhiên, lợi ích này chỉ trở nên bao trùm khi cơ hội tiếp cận tri thức và công nghệ được phân bổ công bằng; nếu không, chính mô hình này có thể làm gia tăng bất bình đẳng.

Hai là, công nghệ số và đổi mới sáng tạo - mở rộng cơ hội và cấu trúc lại tính bao trùm. Nếu tri thức tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững, thì công nghệ số và đổi mới sáng tạo quyết định khả năng mở rộng cơ hội phát triển. Trong mô hình truyền thống, cơ hội tiếp cận vốn, thông tin và dịch vụ thường bị giới hạn bởi vị trí địa lý và điều kiện kinh tế, dẫn đến phân hóa xã hội.

Công nghệ số có thể phá vỡ các rào cản này bằng cách mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ thiết yếu, giảm chi phí giao dịch và tạo điều kiện cho nhiều chủ thể tham gia vào quá trình tạo ra giá trị. Đổi mới sáng tạo, trong bối cảnh đó, không chỉ là hoạt động của các doanh nghiệp lớn, mà trở thành cơ hội cho cá nhân và doanh nghiệp nhỏ. Đồng thời, dữ liệu giúp Nhà nước thiết kế chính sách chính xác hơn, nhắm đúng đối tượng và nâng cao hiệu quả can thiệp. Tuy nhiên, công nghệ không tự động tạo ra bao trùm. Nếu khả năng tiếp cận bị phân hóa hoặc dữ liệu bị tập trung, bất bình đẳng mới có thể xuất hiện. Vì vậy, tính bao trùm phụ thuộc quyết định vào cách thể chế điều tiết các động lực công nghệ.

Ba là, dữ liệu và chuyển đổi số - nền tảng của quản trị minh bạch và hiệu quả. Một đóng góp quan trọng khác của mô hình phát triển mới là nâng cao chất lượng quản trị. Trong mô hình truyền thống, quyết định thường dựa trên thông tin phân tán và có độ trễ, làm giảm hiệu quả điều hành.

Khi dữ liệu được thu thập, kết nối và phân tích theo thời gian thực, Nhà nước có khả năng ra quyết định nhanh hơn, chính xác hơn và phù hợp hơn với thực tiễn. Dữ liệu giúp tăng minh bạch, hạn chế can thiệp tùy tiện và giảm chi phí không chính thức. Đồng thời, nó cho phép phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn và cải thiện chất lượng dịch vụ công. Tuy nhiên, dữ liệu chỉ phát huy giá trị khi đi kèm với khuôn khổ thể chế phù hợp, bảo đảm cân bằng giữa khai thác và bảo vệ quyền lợi. Nếu không chính chuyển đổi số có thể tạo ra những rủi ro mới.

Bốn là, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - nền tảng của năng lực quốc gia và hùng cường. Trong kỷ nguyên số, sức mạnh quốc gia không còn được quyết định chủ yếu bởi tài nguyên hay quy mô kinh tế, mà bởi năng lực công nghệ, khả năng khai thác dữ liệu và chất lượng thể chế.

Làm chủ công nghệ lõi cho phép quốc gia tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và giảm phụ thuộc. Dữ liệu và hạ tầng số trở thành không gian chiến lược, gắn với cả phát triển kinh tế và an ninh quốc gia. Đồng thời, đổi mới sáng tạo quyết định khả năng thích ứng và dẫn dắt trong một thế giới biến động. Mô hình này cũng tạo ra một dạng hùng cường mới - không chỉ dựa trên sức mạnh vật chất, mà dựa trên năng lực tổng hợp của hệ thống: Khả năng tổ chức, học tập, đổi mới và thực thi. Tuy nhiên, nếu không có chiến lược rõ ràng và năng lực công nghệ nội sinh, chuyển đổi số cũng có thể làm gia tăng phụ thuộc và rủi ro.

Năm là, thể chế và năng lực thực thi - điều kiện quyết định để chuyển hóa tiềm năng thành hiện thực. Những cơ chế trên cho thấy tiềm năng vượt trội của mô hình phát triển mới.

Nhưng tiềm năng không tự động trở thành kết quả. Công nghệ mở ra khả năng; thể chế và năng lực thực thi quyết định khả năng đó có thành hiện thực hay không.

Thể chế đóng vai trò như cấu trúc khuyến khích, định hướng phân bổ nguồn lực và hành vi của các chủ thể. Nếu không khuyến khích đổi mới, công nghệ khó trở thành động lực phát triển. Trong khi đó, năng lực thực thi bảo đảm chính sách được triển khai hiệu quả trong thực tế.

Khoảng cách giữa thiết kế và thực thi, cùng với tâm lý e ngại rủi ro và sự chông chéo của quy định đang là những rào cản lớn. Do đó, hiện thực hóa mô hình phát triển mới đòi hỏi một cách tiếp cận mang tính hệ thống, bao gồm thiết kế lại chuỗi thực thi, chuyển sang hậu kiểm thông minh, xây dựng Nhà nước dữ liệu và đổi mới cơ chế đánh giá theo kết quả. Ở tầng sâu hơn, đây là vấn đề về cách thức hệ thống vận hành. Khoa học, công nghệ cung cấp động lực, nhưng chính thể chế và năng lực thực thi mới quyết định liệu những động lực đó có được chuyển hóa thành một quá trình phát triển thực sự bền vững, bao trùm và hùng cường hay không.

Một số điểm nghẽn trong thực tiễn phát triển của Việt Nam

Mô hình phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ phù hợp với xu thế, mà còn có khả năng tạo ra một quỹ đạo phát triển vượt trội. Tuy nhiên, câu hỏi thực tiễn đặt ra là vì sao những tiềm năng đó vẫn chưa được chuyển hóa đầy đủ thành kết quả ở Việt Nam?

Thực tế cho thấy, Việt Nam không thiếu chủ trương đúng đắn. Các chiến lược về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được ban hành với tầm nhìn rõ ràng. Nhưng khoảng cách giữa định hướng và kết quả vẫn còn đáng kể, như công nghệ chưa trở thành động lực trung tâm; đổi mới sáng tạo chưa lan tỏa; chuyển đổi số chủ yếu dừng ở cải tiến quy trình, chưa cấu trúc lại hệ thống. Điều đó cho thấy vấn đề không nằm ở “có làm hay không”, mà ở cách hệ thống được thiết kế và vận hành. Những điểm nghẽn hiện nay mang tính cấu trúc, xuất phát từ sự đứt gãy trong chuỗi thực thi. Có thể nhận diện ba đứt gãy cốt lõi.

Thứ nhất, đứt gãy giữa thiết kế và thực thi khi chính sách đúng nhưng không tạo ra kết quả. Một hạn chế nổi bật là khoảng cách giữa chất lượng thiết kế chính sách và hiệu quả thực thi. Nhiều chủ trương được xây dựng đúng đắn, thậm chí tiếp cận được với xu thế quốc tế, nhưng khi triển khai lại không tạo ra tác động như kỳ vọng. Nguyên nhân chủ yếu là chính sách được thiết kế theo logic mục tiêu, nhưng chưa gắn chặt với điều kiện thực thi. Việc đánh giá tác động còn hình thức, chưa tính đủ chi phí tuân thủ, khả năng hấp thụ và rủi ro phát sinh. Vì vậy, chính sách “đúng về ý tưởng” nhưng “không chạy trong thực tế”.

Điều này thể hiện rõ trong chuyển đổi số khi nhiều chương trình đặt mục tiêu số hóa nhanh, nhưng thiếu hạ tầng dữ liệu, kỹ năng số và cơ chế phối hợp. Kết quả là chỉ “số hóa cái cũ”, thay vì tạo ra cách vận hành mới. Tương tự, trong đổi mới sáng tạo, các rào cản thể chế và tâm lý e ngại rủi ro khiến nhiều ý tưởng không thể chuyển hóa thành sản phẩm. Vấn đề ở đây nằm ở tư duy thiết kế chính sách vẫn thiên về “quy định để kiểm soát”, chưa chuyển sang “thiết kế để vận hành”. Khi chính sách không được thiết kế từ góc nhìn thực thi, thì nguy cơ “đúng nhưng không hiệu quả” là khó tránh khỏi.

Thứ hai, đứt gãy giữa trách nhiệm và kết quả. Khi hệ thống vận hành theo quy trình thay vì theo mục tiêu thì sự đứt gãy xảy ra ngay cả khi chính sách được triển khai, hệ thống vẫn chưa vận hành theo kết quả. Trách nhiệm chưa gắn chặt với những gì chính sách thực sự tạo ra.

Trong mô hình hiện nay, việc hoàn thành nhiệm vụ thường được đánh giá theo mức độ tuân thủ quy trình, thay vì hiệu quả đầu ra. Điều này dẫn đến một hệ quả là người thực thi làm đúng quy định nhưng không phải tạo ra kết quả tốt nhất. Hệ thống vì vậy có thể “đúng quy trình” nhưng “không đạt mục tiêu”. Các chương trình được triển khai đầy đủ, nhưng tác động thực tế hạn chế. Nguyên nhân không phải do thiếu nỗ lực, mà do cách hệ thống định nghĩa thành công. Biểu hiện rõ nhất là cơ chế đánh giá khu vực công chưa dựa trên kết quả và tác động cuối cùng. Đồng thời, trách nhiệm liên ngành chưa rõ ràng, dẫn đến tình trạng “nhiều người tham gia nhưng không ai chịu trách nhiệm đến cùng”. Cùng với đó là tâm lý né tránh rủi ro, khiến đổi mới bị triệt tiêu. Xét đến cùng đây là vấn đề về cấu trúc khuyến khích, khi hệ thống khuyến khích tuân thủ hơn là hiệu quả, thì kết quả khó có thể tối ưu. Vì vậy, cần chuyển từ vận hành theo quy trình sang vận hành theo mục tiêu và kết quả.

Thứ ba, đứt gãy giữa dữ liệu và quyết định khi thông tin không trở thành nền tảng của quản trị. Một nghịch lý nổi bật là dữ liệu ngày càng nhiều, nhưng quyết định vẫn chưa dựa trên dữ liệu.

Mặc dù nhiều hệ thống thông tin đã được xây dựng, nhưng chúng phân tán, thiếu kết nối và chưa chuẩn hóa, dẫn đến tình trạng “cát cứ dữ liệu”. Vì vậy, khó hình thành một bức tranh toàn diện phục vụ điều hành. Hệ quả là quá trình ra quyết định vẫn dựa nhiều vào báo cáo hành chính và kinh nghiệm, trong khi các báo cáo có độ trễ và phản ánh quá khứ. Đồng thời, năng lực phân tích dữ liệu còn hạn chế, và dữ liệu chưa được tích hợp vào cơ chế đánh giá và trách nhiệm giải trình. Do đó, dữ liệu chưa trở thành nền tảng của quản trị, mà chỉ là công cụ hỗ trợ. Khi quy trình ra quyết định không được thiết kế xoay quanh dữ liệu, thì tiềm năng của chuyển đổi số khó được phát huy.

Từ ba đứt gãy trên có thể thấy, rào cản lớn nhất không nằm ở từng chính sách riêng lẻ, mà ở cách thức hệ thống vận hành. Vấn đề không phải là khắc phục từng đứt gãy riêng lẻ, mà là thiết kế lại toàn bộ hệ thống để các khâu được kết nối một cách hữu cơ.

Một số định hướng nhằm hiện thực hóa mục tiêu đổi mới mô hình phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Có thể thấy, trở ngại lớn nhất đối với việc hiện thực hóa mô hình phát triển mới không nằm ở định hướng, mà ở cách thức hệ thống được thiết kế và vận hành. Ba “đứt gãy” mang tính cấu trúc giữa thiết kế và thực thi, giữa trách nhiệm và kết quả, và giữa dữ liệu và quyết định không chỉ làm giảm hiệu quả của từng chính sách, mà còn làm gián đoạn toàn bộ chuỗi thực thi quốc gia. Điều đó hàm ý rằng, cải cách không thể dừng ở xử lý từng vấn đề riêng lẻ, mà phải hướng tới thiết kế lại tổng thể hệ thống vận hành. Con đường hiện thực hóa mô hình phát triển mới, vì vậy, có thể được hiểu như quá trình xây dựng một “hệ điều hành phát triển”, trong đó hệ thống vận hành dựa trên ba nguyên tắc lấy kết quả làm trung tâm, lấy dữ

liệu làm nền tảng và lấy đổi mới sáng tạo làm động lực. Trên cơ sở đó, có thể xác định một số hướng cải cách mang tính hệ thống.

Thiết kế lại chuỗi thực thi - từ mục tiêu đến kết quả như một hệ thống thống nhất.

Điểm khởi đầu là thiết lập một chuỗi thực thi thống nhất từ mục tiêu đến kết quả. Hiện nay, các khâu từ xây dựng chính sách, phân bổ nguồn lực đến tổ chức thực hiện và đánh giá còn rời rạc, thiếu liên kết. Thiết kế lại chuỗi thực thi đòi hỏi phải xác lập một lô-gic xuyên suốt, mục tiêu được cụ thể hóa thành kết quả đo lường được và mỗi kết quả gắn với trách nhiệm rõ ràng. Trọng tâm phải chuyển từ quản lý theo chức năng sang quản lý theo kết quả, trong đó các chủ thể phối hợp để đạt mục tiêu chung thay vì tối ưu cục bộ. Đồng thời, chuỗi thực thi cần vận hành như một hệ thống động, có khả năng phản hồi và điều chỉnh liên tục dựa trên dữ liệu thời gian thực. Khi đó, thực thi không còn là quá trình tuyến tính, mà trở thành quá trình học tập và thích ứng.

Chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm thông minh nhằm tạo không gian cho đổi mới.

Mô hình tiền kiểm, với trọng tâm là điều kiện và giấy phép đang làm chậm đổi mới và hạn chế thử nghiệm. Trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh, cách tiếp cận này dễ dẫn tới tình trạng “không quản được thì cấm”. Cần chuyển sang hậu kiểm thông minh, tức là quản lý rủi ro trong quá trình vận hành. Thay vì kiểm soát chặt đầu vào, hệ thống cho phép thử nghiệm trong phạm vi kiểm soát, đồng thời giám sát liên tục bằng dữ liệu và can thiệp khi cần thiết. Cách tiếp cận này đòi hỏi hệ thống pháp luật linh hoạt hơn, chuyển từ quy định chi tiết sang nguyên tắc định hướng, và dựa nhiều hơn vào dữ liệu để phát hiện và xử lý rủi ro.

Xây dựng Nhà nước dữ liệu - nền tảng của điều hành theo thời gian thực.

Một trụ cột quan trọng của hệ thống mới là Nhà nước dữ liệu. Hiện nay, quản trị vẫn dựa nhiều vào báo cáo có độ trễ, trong khi dữ liệu chưa được kết nối và khai thác hiệu quả. Chuyển đổi cần hướng tới điều hành theo thời gian thực, trong đó dữ liệu được thu thập, kết nối và phân tích liên tục để hỗ trợ ra quyết định. Điều này đòi hỏi ba chuyển đổi là xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia thống nhất; phát triển năng lực phân tích trong khu vực công; tích hợp dữ liệu vào quy trình ra quyết định và trách nhiệm giải trình. Khi dữ liệu trở thành nền tảng của quản trị, hiệu quả, minh bạch và niềm tin sẽ được nâng cao.

Đổi mới cơ chế đánh giá và khuyến khích từ tuân thủ sang kết quả.

Một điểm nghẽn lớn là hệ thống đánh giá còn thiên về tuân thủ quy trình. Điều này làm cho hành vi hợp lý của người thực thi là “làm đúng”, không phải “làm tốt”. Cần chuyển sang đánh giá theo kết quả và tác động thực tế. Các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) phải gắn với đầu ra và được cập nhật bằng dữ liệu. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế khuyến khích đổi mới và phân biệt rõ giữa rủi ro sáng tạo và sai phạm. Khi hệ thống khuyến khích đúng hành vi, các chủ thể sẽ tự điều chỉnh để hướng tới mục tiêu chung.

Thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) tạo không gian thử nghiệm.

Một hạn chế lớn của hệ thống hiện nay là thiếu không gian thử nghiệm cho các mô hình mới. Khi công nghệ đi trước luật pháp, nếu không có cơ chế linh hoạt, đổi mới sẽ bị kìm hãm. Sandbox cho phép thử nghiệm có kiểm soát, giúp hệ thống chuyển từ “quản lý cái đã biết”

sang “học từ cái chưa biết”. Đây vừa là công cụ giảm rủi ro, vừa là cơ chế học tập chính sách. Khi được thiết kế tốt, sandbox tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo phát triển mà vẫn bảo đảm ổn định hệ thống.

Tạo động lực và bảo vệ người thực thi từ né tránh sang chủ động hành động.

Rào cản lớn nhất không chỉ nằm ở thể chế, mà ở tâm lý e ngại rủi ro trong bộ máy. Khi sai sót dễ bị xử lý, nhưng đổi mới chưa được bảo vệ, lựa chọn an toàn sẽ chiếm ưu thế. Cần thiết lập cơ chế phân biệt giữa rủi ro đổi mới và sai phạm, đồng thời bảo vệ có điều kiện những người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Song song với đó là cơ chế ghi nhận và khuyến khích sáng tạo. Vai trò của người đứng đầu đặc biệt quan trọng trong việc tạo ra văn hóa tổ chức chuyển từ “tránh sai” sang “tìm cách làm tốt hơn”/.

Tiến sĩ Nguyễn Sỹ Dũng - nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Nguồn: tapchiconsan.org.vn

NỖ LỰC ĐỂ BIẾN CƠ HỘI BÊN NGOÀI TRỞ THÀNH NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ 33, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh yêu cầu đưa ngoại giao phục vụ phát triển đi vào chiều sâu, lấy hiệu quả thực chất làm thước đo; đối ngoại phải phục vụ trực tiếp đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, sức cạnh tranh và tự chủ của nền kinh tế; và ngoại giao kinh tế phải theo sát dự án đến khi có kết quả.

Đặc biệt, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nêu rõ, mỗi cơ quan đại diện phải hiểu nhu cầu của đất nước, thế mạnh địa bàn, tìm đúng đối tác và theo sát công việc; xác định rõ phía sau mình là một quốc gia đang chuyển mình, mỗi việc làm được ở nước ngoài đều quy đổi thành cơ hội cho người dân trong nước.

Cũng theo Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, cơ hội bên ngoài chỉ trở thành nguồn lực khi bên trong sẵn sàng. Các bộ, ngành, địa phương phải chuẩn bị dự án, cơ chế, mặt bằng, nhân lực và điều kiện tiếp nhận. Đây là công việc chung của cơ quan đại diện, cơ quan trong nước và doanh nghiệp và từng người dân.

Trước đó, tại Hội nghị Thường trực Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp với chủ đề “Tháo gỡ điểm nghẽn - Khơi thông nguồn lực - Thúc đẩy tăng trưởng” vào ngày 18/7/2026, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cũng đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương phải đánh giá các đại sứ và thương vụ trên cơ sở kết quả đầu ra, giải quyết được vướng mắc cho doanh nghiệp, kết nối được thương mại – đầu tư, xử lý được những khó khăn của doanh nghiệp với địa bàn xuất khẩu hàng hóa hoặc đầu tư ra nước ngoài; tinh thần là các đại sứ và thương vụ phải “đeo bám từng thị trường, từng mặt hàng”.

Đại hội XIV của Đảng đã xác định công tác đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên và thời gian qua, đối ngoại góp phần mở rộng thị trường, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, thu hút vốn, công nghệ và tri thức. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 đạt khoảng 930 tỷ USD và năm 2026 dự kiến sẽ lần đầu tiên vượt 1 nghìn tỷ USD.

Tuy nhiên, ngoại giao phục vụ phát triển đang đứng trước những yêu cầu mới, với mục tiêu tăng trưởng 2 con số và đổi mới mô hình phát triển đất nước, trong đó khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực chính.

Cùng với đó, việc phát triển đất nước đang đặt ra những yêu cầu chưa từng có về công tác thực thi để biến những chủ trương, chính sách thành kết quả cuối cùng với hiệu quả đo lường được, như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chỉ rõ: “Thực thi đang là điểm nghẽn của điểm nghẽn”. Điều này đòi hỏi mọi cơ quan phải phản ứng nhanh nhất, trách nhiệm nhất có thể trước những diễn biến mới, các vụ việc phát sinh cần giải quyết, trong đó có lĩnh vực hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế, mở rộng thị trường...

Đơn cử một ví dụ gần đây nhất, ngày 31/7/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở

đóng gói. Nghị quyết áp dụng với nông sản nói chung, nhưng đặc biệt có ý nghĩa với loại hoa quả có kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam là Sầu riêng.

Đây cũng là mặt hàng được dư luận đặc biệt chú ý thời gian qua, với những diễn biến liên tiếp về các vụ ứ ứ xe container chở sầu riêng tại các cửa khẩu, và với việc Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hoàng Trung bị khởi tố vì hành vi nhận hối lộ liên quan các “giấy phép con” được tạo ra để trục lợi số tiền đặc biệt lớn và gây ra những hậu quả khó có thể lường hóa hết.

Theo ý kiến các chuyên gia, cộng đồng doanh nghiệp, Nghị quyết 36 đã có những thay đổi căn bản để tháo gỡ đúng những “nút thắt” lớn nhất liên quan xuất khẩu sầu riêng, với việc chuyển thẩm quyền tiếp nhận và cấp mã số từ cấp tỉnh xuống cấp xã; thủ tục làm trên môi trường mạng, theo hướng tổ chức, cá nhân tự kê khai và tự chịu trách nhiệm; chuyển trọng tâm từ tiền kiểm sang hậu kiểm; thời gian giải quyết được rút ngắn.

Nghị quyết đã tạm ngưng hiệu lực những quy định đang là rào cản lớn, trong thời gian chờ Nghị định hiện hành chính thức được sửa đổi, bổ sung. Trong đó, đặc biệt đáng chú ý là bỏ quy định diện tích tối thiểu với vùng trồng để được cấp mã số (quy định trước đó lên đến 10 ha); điều này mở ra cơ hội cho nhiều hộ sản xuất nhỏ, bởi trước đây nhiều vườn đáp ứng yêu cầu nhưng vẫn vướng quy định về diện tích tối thiểu nên chưa được cấp mã số.

Một quy định khác cũng được ngưng hiệu lực thi hành: Vùng trồng là nơi sản xuất một loại cây trồng theo cùng một quy trình sản xuất, bảo đảm đồng nhất về điều kiện tự nhiên. Quy định này đòi hỏi vùng trồng thuần một loại cây, có nghĩa là những diện tích sản xuất xen canh nhiều loại cây trồng, trong đó có sầu riêng, dù đáp ứng tiêu chuẩn, sẽ không được cấp mã số để xuất khẩu chính ngạch.

Những thay đổi nói trên không chỉ đơn thuần là cắt giảm thủ tục, mà đó là sự thay đổi căn bản về triết lý quản lý: Tin tưởng vào người dân, doanh nghiệp, chuyển từ tư duy “không quản được thì cấm” sang tư duy “đồng hành, hỗ trợ và giám sát”. Bước đi này thể hiện tinh thần cải cách thực chất, xóa bỏ tư duy “ban phát” giấy phép, trả quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về cho chủ thể sản xuất, đồng thời phân cấp, phân quyền theo tinh thần “ai làm tốt nhất thì giao việc”, tối ưu hóa vai trò giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

Câu chuyện thực tế của Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP là một ví dụ cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa cải cách thể chế trong nước và hiệu quả hoạt động đối ngoại. Một khi những “nút thắt” về thủ tục hành chính, những rào cản từ “giấy phép con” được tháo gỡ kịp thời, nguồn hàng xuất khẩu mới thực sự khơi thông cả về lượng và chất. Khi đó, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mới có thêm cơ sở thực tế và tính chủ động để đàm phán mở rộng thị trường, kết nối đầu tư.

Nhìn từ góc độ khác, sự chuyển dịch mạnh mẽ trong tư duy chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ - từ việc quản lý theo quy trình sang đo lường hiệu quả bằng sản phẩm đầu ra – đang đặt ra yêu cầu thay đổi căn bản trong phương thức hoạt động của các cơ quan, trong đó có bộ máy làm công tác ngoại giao.

Đối với các cơ quan đại diện và thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, thước đo năng lực không còn dừng lại ở số lượng các cuộc tiếp xúc ngoại giao hay các bản báo cáo định kỳ, mà phải là những dự án công nghệ cao được chuyển giao, những dòng vốn đầu tư chất lượng cao được thu hút và những khó khăn của doanh nghiệp được tháo gỡ kịp thời tại địa bàn. Yêu cầu “đeo bám từng thị trường, từng mặt hàng” đòi hỏi các nhà ngoại giao phải thực sự sâu sát, hiểu rõ nhu cầu trong nước để tìm kiếm những đối tác phù hợp và có thực lực.

Ở trong nước, công tác phối hợp cũng cần có sự chuyển biến đồng bộ và quyết liệt hơn. Bài học từ những tồn tại trong việc quản lý và cấp mã số vùng trồng cho thấy, nếu chậm trễ phản ứng trước những biến động thị trường hoặc để xảy ra các tiêu cực trong thực thi công vụ sẽ trực tiếp làm suy giảm uy tín của hàng hóa Việt Nam trên trường quốc tế. Khi năng lực sản xuất và thủ tục trong nước còn ách tắc, mọi nỗ lực xúc tiến thương mại ở bên ngoài cũng khó đem lại kết quả tối ưu.

Do đó, việc chuyển đổi từ tư duy trong quản lý hành chính như tinh thần của Nghị quyết 36 là hướng đi cần được nhân rộng ở nhiều lĩnh vực khác. Ngoại giao kinh tế dù có nỗ lực mở đường, ký kết bao nhiêu hiệp định thương mại tự do (FTA) hay kết nối được bao nhiêu tập đoàn đa quốc gia, nhưng nếu môi trường đầu tư trong nước chưa thông thoáng, hạ tầng chưa đồng bộ, nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được thì các cơ hội đó cũng khó có thể trở thành nguồn lực thực chất.

Sau cùng, then chốt của mọi cải cách vẫn nằm ở yếu tố con người và cơ chế thực thi. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã nhiều lần nhấn mạnh hạn chế đáng lưu ý hiện nay không phải là thiếu chủ trương, mà chủ yếu nằm ở khâu cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện, đặc biệt phải đánh giá được năng lực tổ chức thực hiện và tinh thần trách nhiệm. Đã đến lúc không thể để người làm tốt và người làm kém đều được đánh giá gần như nhau; không thể để cán bộ trì trệ, né tránh, sợ trách nhiệm vẫn an toàn trong bộ máy; không thể để cán bộ dám làm, làm được việc, có sản phẩm, có uy tín lại không được bảo vệ, không được khuyến khích và không được sử dụng đúng.

Từ việc lắng nghe các ý kiến, chỉ đạo xử lý nghiêm những sai phạm, cho đến khẩn trương, quyết liệt sửa đổi ngay những quy định liên quan, Chính phủ đã thực sự đi đầu, gương mẫu và không có lý do gì các cơ quan, các cấp các ngành, trong đó có các cơ quan đại diện tại nước ngoài không thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần đó. Ở trong nước đã và đang có những chuyển biến căn bản và thực chất, cán bộ ở nước ngoài cũng phải chuyển biến kịp thời với cùng một nhịp độ, hướng đến cùng mục tiêu là thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, đưa tăng trưởng đạt 2 con số.

Để hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng cao và đổi mới mô hình phát triển, việc thực thi mang tính quyết định, công tác cán bộ là nhiệm vụ then chốt, là yếu tố cốt lõi của quản trị quốc gia. Việc xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung phải đi đôi với việc kiên quyết thay thế những cán bộ trì trệ, né tránh trách nhiệm. Việc chấn chỉnh kỷ cương công vụ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động phải

được thực hiện đồng bộ từ các cơ quan trong nước đến các cơ quan đại diện ở nước ngoài, không có vùng trống.

Khi từng hoạt động đối ngoại có thể ngày càng trả lời rõ hơn câu hỏi: Hoạt động đó tạo thêm điều kiện, nguồn lực hoặc năng lực gì cho sự phát triển của đất nước, cũng như khả năng hấp thụ trong nước đối với lợi ích của hoạt động đó như thế nào; đồng thời, khoảng cách địa lý không còn là lý do cho sự trì hoãn, chậm trễ hay thiếu hiệu quả, sự phối hợp giữa “trong” và “ngoài” được tối ưu hóa, thì mỗi bước cải cách thể chế trong nước và mỗi nỗ lực ngoại giao ở nước ngoài đều sẽ đóng góp trực tiếp cho những mục tiêu phát triển đã đề ra.

Nguồn: baohinhphu.vn

100 NGÀY CAO ĐIỂM THÁO GỖ ĐIỂM NGHÈN CHUYỂN ĐỔI SỐ: TĂNG TỐC ĐỀ NGHỊ QUYẾT 57 ĐI VÀO CUỘC SỐNG

Sau hơn một năm rưỡi triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, chuyển đổi số quốc gia đã đạt nhiều kết quả quan trọng về thể chế, hạ tầng và nền tảng số. Tuy nhiên, nhiều “điểm nghẽn” vẫn tồn tại, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai trong toàn hệ thống chính trị. Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số được xác định là đợt cao điểm nhằm tạo bước chuyển mạnh mẽ, đưa chuyển đổi số đi vào thực chất.

Mới đây, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chủ trì Hội nghị toàn quốc sơ kết 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Kết luận hội nghị, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước yêu cầu triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong thực hiện Nghị quyết 57 và đưa chuyển đổi số đi vào thực chất.

Cụ thể hóa chỉ đạo này, ngày 11/7/2026, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã ban hành Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW, xác định 50 nhiệm vụ trọng tâm triển khai trong thời gian cao điểm 100 ngày. Điểm đáng chú ý là mỗi nhiệm vụ không chỉ dừng ở yêu cầu hoàn thành tiến độ mà phải tạo ra sản phẩm có thể vận hành, có dữ liệu, có người sử dụng và có kết quả kiểm chứng.

Tiếp đó, ngày 29/7/2026, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng ký Quyết định số 88/QĐ-BCĐCP ban hành Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo của Chính phủ nhằm triển khai các kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương. Kế hoạch yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung xử lý các nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ chậm tiến độ, tạo chuyển biến thực chất trong quản trị, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đợt cao điểm được triển khai từ ngày 11/7 đến hết ngày 30/11/2026.

Xử lý đồng thời 10 nhóm điểm nghẽn

Theo Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ), Kế hoạch hành động 100 ngày không chỉ nhằm thúc đẩy chuyển đổi số mà tập trung xử lý những “nút thắt” đang cản trở quá trình triển khai trên phạm vi cả nước.

Hiện nay, chuyển đổi số đang đối mặt với 10 nhóm điểm nghẽn lớn. Trong đó, điểm nghẽn đầu tiên là thể chế và chỉ đạo, điều hành còn thiếu đồng bộ; một số quy định chồng chéo, chưa xác định rõ trách nhiệm quản lý, vận hành và chia sẻ dữ liệu.

Thứ hai, hạ tầng số chưa đồng đều; còn tình trạng lồi lõm, thiếu điện, thiếu thiết bị đầu cuối; trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ phân tán, hiệu quả thấp.

Thứ ba, dữ liệu số còn cát cứ, chưa “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; tiêu chuẩn, từ điển dữ liệu và trách nhiệm cập nhật chưa rõ ràng.

Thứ tư, nền tảng số còn trùng lặp, thiếu liên thông, chưa được sử dụng thực chất; đăng nhập một lần, tích hợp và chia sẻ dữ liệu còn hạn chế.

Thứ năm, dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự thuận tiện; thủ tục chưa được tái cấu trúc triệt để, người dân vẫn phải khai báo, nộp lại giấy tờ và dữ liệu đã có.

Thứ sáu, kinh tế số chưa khai thác hiệu quả dữ liệu mở, dịch vụ dữ liệu và kết nối dữ liệu phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh.

Thứ bảy, xã hội số còn chênh lệch về khả năng tiếp cận, nhất là đối với người yếu thế và khu vực khó khăn; các dịch vụ số thiết yếu về y tế, giáo dục chưa liên thông đầy đủ.

Thứ tám, nguồn nhân lực còn thiếu kỹ năng về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng; chính sách đối với lực lượng chuyên trách chưa được triển khai đồng bộ.

Thứ chín, tài chính và giải ngân còn chậm; nguồn lực phân tán, có nơi đã bố trí kinh phí nhưng chưa phân bổ, chưa triển khai kịp thời.

Thứ mười, kỷ luật thực thi và tuân thủ chưa nghiêm; việc đánh giá còn thiên về tỉ lệ hoàn thành, chưa dựa trên sản phẩm đầu ra, dữ liệu vận hành, mức độ sử dụng và trải nghiệm thực tế của người dân, doanh nghiệp.

Theo Cục Chuyển đổi số quốc gia, cốt lõi của Kế hoạch 100 ngày là xử lý đồng thời tình trạng thể chế chưa thông, hạ tầng chưa đồng bộ, dữ liệu chưa liên thông, nền tảng chưa dùng chung, dịch vụ chưa thuận tiện và trách nhiệm thực thi chưa rõ, bảo đảm mỗi nhiệm vụ phải có sản phẩm vận hành được, có dữ liệu, có người sử dụng và có kết quả kiểm chứng được.

Đẩy nhanh các nền tảng số dùng chung

Theo ông Lê Anh Tuấn, Phó Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia, từ ngày 1/7/2026, Luật Chuyển đổi số chính thức có hiệu lực. Cùng với đó là hàng loạt văn bản quan trọng như Nghị định số 224/2026/NĐ-CP, Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

Đặc biệt, Chính phủ đã công bố Danh mục 79 nền tảng số dùng chung quốc gia, tạo cơ sở tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, hạn chế đầu tư trùng lặp và nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số tại các bộ, ngành, địa phương.

Cùng với đó, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã ban hành nhiều quy định về quản lý đầu tư, quản lý chất lượng các dự án chuyển đổi số và bộ tiêu chí đánh giá mức độ sẵn sàng của thủ tục hành chính, góp phần chuẩn hóa việc triển khai dịch vụ công trực tuyến và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm Bộ Khoa học và Công nghệ đang triển khai là xây dựng Nền tảng số quản lý quốc gia trên kiến trúc thống nhất.

Theo Trung tâm Chuyển đổi số (Bộ Khoa học và Công nghệ), hợp phần quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trực tuyến đã được đưa vào vận hành từ cuối năm 2025 và hiện được hầu hết các bộ, ngành, địa phương sử dụng.

Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục triển khai hai hợp phần quan trọng là quản lý dữ liệu ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và quản lý hiện trạng chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc.

Hai hợp phần này sẽ giúp số hóa toàn bộ quá trình quản lý ngân sách; theo dõi việc phân bổ, giải ngân nguồn lực; đồng thời xây dựng bức tranh tổng thể về hạ tầng số, nền tảng và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương. Đây sẽ là cơ sở để giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các điểm nghẽn trong quá trình triển khai chuyển đổi số.

Đưa chuyển đổi số đi vào thực chất

Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Hoàng Phương cho biết, đến nay hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách và hành lang pháp lý về chuyển đổi số cơ bản đã được hoàn thiện. Vấn đề đặt ra hiện nay là tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả để các chính sách đi vào cuộc sống.

Trên cơ sở Kế hoạch hành động 100 ngày của Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; đẩy nhanh đưa các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung vào vận hành, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, qua đó hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Có thể thấy, Kế hoạch hành động 100 ngày không chỉ là một đợt cao điểm xử lý các nhiệm vụ chậm tiến độ, mà còn là bước chuyển từ “xây dựng” sang “vận hành” trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Thành công của kế hoạch sẽ không được đo bằng số lượng văn bản, nền tảng hay cơ sở dữ liệu được ban hành, mà bằng mức độ các hệ thống được kết nối, dữ liệu được chia sẻ và người dân, doanh nghiệp thực sự được hưởng lợi từ các dịch vụ số. Đây cũng sẽ là thước đo cho năng lực tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57 trong toàn hệ thống chính trị.

Nguồn: baohinhphu.vn

THỂ CHẾ - “CHÌA KHÓA” QUAN TRỌNG NHẤT ĐỂ MỞ RA KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN MỚI

Đột phá thể chế là câu chuyện của riêng bộ máy nhà nước, là điều kiện tiên quyết để mọi tiềm năng khác như con người, tài nguyên, vị trí địa kinh tế được chuyển hóa trọn vẹn thành năng lực phát triển.

Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam được thông qua tại Hội nghị Trung ương 3 đã xác định rõ: “Đổi mới mô hình phát triển đất nước trước hết là tạo đột phá về thể chế, đổi mới phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia để tạo năng lực phát triển mới.”

Theo các chuyên gia kinh tế và chính sách công, thể chế vừa là “đột phá của các đột phá” nhưng cũng là rào cản lớn nhất cần được tháo gỡ. Đây chính là chìa khóa quan trọng nhất để mở ra không gian phát triển mới.

“Hệ điều hành” của mô hình phát triển

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Thị Kim Tiên, Trưởng khoa Kinh tế (Học viện Hành chính và Quản trị công) cho rằng, lịch sử phát triển của các quốc gia cho thấy không có mô hình phát triển nào có thể duy trì hiệu quả trong mọi bối cảnh. Khi các điều kiện thực tiễn thay đổi, các động lực tăng trưởng truyền thống dần suy giảm, đổi mới mô hình phát triển trở thành yêu cầu tất yếu.

Thực tiễn Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore hay Trung Quốc cho thấy, những bước chuyển mình mang tính đột phá luôn gắn liền với cải cách thể chế.

Mô hình phát triển của một quốc gia là tổng thể các lựa chọn chiến lược về mục tiêu phát triển, hệ giá trị, thể chế, phương thức tổ chức, quản trị, vận hành quốc gia và các động lực tăng trưởng nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hiện thực hóa mục tiêu phát triển trong từng giai đoạn. Vì vậy, đổi mới mô hình phát triển không phải là điều chỉnh một vài chính sách riêng lẻ, mà là đổi mới toàn diện cách thức quốc gia được tổ chức, quản trị và vận hành.

Theo bà Đỗ Thị Kim Tiên, điểm mới và có ý nghĩa lý luận sâu sắc của Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV là Trung ương đã xác định rõ đổi mới mô hình phát triển phải bắt đầu từ đột phá về thể chế, đồng thời đổi mới phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia. Đây là bước phát triển mới trong tư duy của Đảng về phát triển đất nước.

Giai đoạn 2016 - 2025, nền kinh tế đất nước đã có sự chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, định hướng ứng dụng khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam cũng gắn chặt với mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lợi thế cạnh tranh quốc gia không được quyết định chủ yếu bởi tài nguyên, vốn hay lao động giá rẻ, mà ngày càng phụ thuộc vào chất lượng thể chế và năng lực quản trị quốc gia.

Sau 40 năm Đổi mới, yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam không chỉ là duy trì tốc độ tăng trưởng mà cần tạo dựng năng lực phát triển mới, với khả năng liên tục tạo ra các động lực tăng trưởng dựa trên khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu và nguồn nhân lực chất lượng cao. Muốn hiện thực hóa mục tiêu đó, trước hết phải tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, đồng thời đổi mới phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia để giải phóng, kết nối và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển.

Tiến sĩ Lê Khánh Cường - Chủ nhiệm bộ môn Kinh tế đầu tư và phát triển, Trường Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội) cho rằng, Việt Nam đã đi từ một nền kinh tế thiếu đói, khép kín sang một quốc gia có thu nhập trung bình cao. Tuy nhiên, những dư địa tăng trưởng dựa trên khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ và vốn đầu tư mở rộng theo chiều rộng đã dần cạn.

Muốn tăng trưởng hai con số như mục tiêu chiến lược đã đề ra, động lực phải đến từ năng suất, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và hiệu quả phân bổ nguồn lực. Tất cả những yếu tố này đều bị quyết định trước hết bởi “luật chơi”: khung pháp lý, bộ máy vận hành, cơ chế ra quyết định và trách nhiệm giải trình.

Về mặt kinh tế học, thể chế không phải là một biến số “phụ trợ” mà là biến số nền, quyết định chi phí giao dịch, mức độ an toàn của quyền tài sản, khả năng dự đoán chính sách và động lực đầu tư dài hạn của cả khu vực nhà nước lẫn khu vực tư nhân.

Một quốc gia có thể có hạ tầng hiện đại, nguồn nhân lực tốt, nhưng nếu thể chế trì trệ, chông chéo, thiếu minh bạch thì các nguồn lực ấy vẫn bị “giam” lại, không chuyển hóa được thành năng lực sản xuất thực tế.

Ngược lại, một đột phá thể chế đúng hướng có thể giải phóng nguồn lực đang bị “đóng băng” trong đất đai, vốn, dữ liệu và chất xám mà không cần chờ đầu tư mới.

Chính vì vậy, khi Nghị quyết xác định thể chế và quản trị quốc gia là “khâu đột phá”, đứng trước cả khoa học-công nghệ, hạ tầng chiến lược hay nguồn nhân lực chất lượng cao trong nhóm các đột phá cần đạt tới năm 2030, đây là một lựa chọn theo đúng trình tự nhân quả. Thể chế tốt sẽ kéo theo và khuếch đại hiệu quả của tất cả các đột phá còn lại; nếu thể chế không được cải cách trước, mọi đầu tư khác đều có nguy cơ bị pha loãng hiệu quả.

Đồng tình quan điểm này, Thạc sĩ Nguyễn Mạnh Hải (giảng viên Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội) nhấn mạnh, đột phá thể chế lần này được đặt trong logic “tạo năng lực phát triển mới,” chứ không chỉ là “gỡ vướng, tháo điểm nghẽn” như một số giai đoạn trước. Đây là sự khác biệt căn bản.

Nếu như trước đây, cải cách thể chế chủ yếu mang tính phòng thủ, sửa những gì đang cản trở, thì lần này thể chế được xác định là động lực chủ động dẫn dắt, kiến tạo không gian phát triển mới: không gian số, không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ tầm thấp, các mô hình kinh tế mới dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

Nội hàm mô hình phát triển mới mà Nghị quyết xác định là tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập, lấy con người làm trung tâm, chỉ có thể vận hành được trên một nền

quản trị quốc gia hiện đại, dựa trên cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản trị, nhân dân làm chủ,” với mối quan hệ hài hòa, hiệu quả giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

Nói cách khác, thể chế chính là “hệ điều hành” của toàn bộ mô hình phát triển; các trụ cột kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, quốc phòng - an ninh, đối ngoại là các “ứng dụng” chạy trên nền hệ điều hành đó. Hệ điều hành không được nâng cấp thì dù ứng dụng có tối ưu đến đâu, cả hệ thống vẫn vận hành ở tốc độ cũ. Đặt đột phá thể chế “trước hết” chính là đặt đúng vào gốc rễ của vấn đề, thay vì chỉ xử lý các biểu hiện.

Đổi mới đồng bộ từ thiết kế đến thực thi

Theo các chuyên gia, điểm đáng chú ý của Hội nghị Trung ương 3 là Nghị quyết không chỉ đặt ra yêu cầu đột phá về thể chế, mà còn nhấn mạnh phải đổi mới đồng bộ phương thức tổ chức, quản trị và vận hành quốc gia. Tư duy cải cách đã chuyển từ hoàn thiện thể chế sang nâng cao năng lực thực thi thể chế.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Thị Kim Tiên cho rằng, chất lượng thể chế không chỉ được quyết định bởi hệ thống chủ trương, chính sách và pháp luật, mà còn bởi các thiết chế tổ chức, cơ chế thực thi, năng lực quản trị, hiệu quả phối hợp và khả năng hiện thực hóa chủ trương, chính sách thành kết quả phát triển.

Một hệ thống pháp luật tiên bộ nhưng tổ chức thực hiện chậm, phối hợp thiếu hiệu quả và bộ máy vận hành chưa thông suốt thì thể chế khó có thể chuyển hóa thành năng lực phát triển quốc gia. Để thể chế thực sự trở thành động lực dẫn dắt mô hình phát triển mới, Việt Nam cần đồng thời tạo đột phá ở hai phương diện có quan hệ hữu cơ với nhau: tư duy thiết kế thể chế và năng lực thực thi thể chế.

Trước hết, cần đổi mới tư duy thiết kế thể chế theo hướng chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển; từ tiền kiểm sang hậu kiểm dựa trên quản trị rủi ro; từ kiểm soát đơn thuần sang tạo lập môi trường thuận lợi để giải phóng mọi nguồn lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng.

Trên cơ sở đó, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng ổn định, minh bạch, thống nhất, dễ dự báo và có khả năng thích ứng với sự phát triển nhanh của khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các mô hình kinh doanh mới.

Tiến sĩ Lê Khánh Cường khẳng định, những đột phá này sẽ mang lại lợi ích cụ thể, đo đếm được cho ba nhóm chủ thể. Với người dân, một nền quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu và pháp luật minh bạch sẽ giảm thời gian, chi phí và cả sự phiền hà khi tiếp cận dịch vụ công - từ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đến các thủ tục đất đai, hộ tịch. Quan trọng hơn, khi thể chế vận hành minh bạch, niềm tin xã hội - vốn là một loại “vốn xã hội” có giá trị kinh tế thực sự - sẽ được củng cố, tạo nền tảng cho sự đồng thuận và ổn định lâu dài.

Với doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân, đột phá thể chế đồng nghĩa với việc giảm chi phí tuân thủ, giảm rủi ro pháp lý và tăng khả năng dự đoán chính sách - ba yếu tố quyết định đầu tư dài hạn. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sẽ mở đường cho các mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ mới - vốn trước đây thường bị “mắc kẹt” trong khoảng trống pháp lý - có cơ hội phát triển ngay tại Việt Nam thay vì phải “xuất khẩu” ý tưởng ra nước ngoài.

Với năng lực cạnh tranh quốc gia, các tổ chức xếp hạng quốc tế đều coi chất lượng thể chế là một trong những trụ cột quan trọng nhất khi đánh giá môi trường đầu tư. Một bộ máy tinh gọn, minh bạch, vận hành trên nền tảng dữ liệu số sẽ trực tiếp cải thiện các chỉ số về môi trường kinh doanh, qua đó gia tăng sức hấp dẫn với dòng vốn đầu tư nước ngoài chất lượng cao, đặc biệt trong bối cảnh các chuỗi cung ứng toàn cầu đang tái cấu trúc và cạnh tranh thu hút đầu tư giữa các quốc gia trong khu vực ngày càng gay gắt.

Nói cách khác, đột phá thể chế không phải là câu chuyện của riêng bộ máy nhà nước, mà là điều kiện tiên quyết để mọi tiềm năng khác của đất nước - con người, tài nguyên, vị trí địa kinh tế - được chuyển hóa trọn vẹn thành năng lực phát triển thực sự.

Đây chính là lý do vì sao thể chế được Trung ương xác định là khâu đột phá hàng đầu trong hành trình đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Nguồn: vietnamplus.vn

QUY TRÌNH MỚI VỀ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Chính phủ ban hành Nghị định số 310/2026/NĐ-CP ngày 5/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP và Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Theo quy định mới, các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gồm:

- Bộ, cơ quan ngang bộ; cục, vụ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan đại diện ngoại giao, đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục hành chính và tham gia vào quá trình giải quyết thủ tục hành chính;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã; các ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục hành chính;
- Các cơ quan khác theo quy định của pháp luật.

Tài khoản giao dịch điện tử để giải quyết thủ tục hành chính

Nghị định số 310/2026/NĐ-CP quy định tài khoản giao dịch điện tử để giải quyết thủ tục hành chính (tài khoản giao dịch điện tử) là danh tính điện tử của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập để đăng nhập vào Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

Nghị định số 310/2026/NĐ-CP quy định quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử như sau:

- Cổng Dịch vụ công quốc gia tiếp nhận yêu cầu, kiểm tra tự động về mặt kỹ thuật. Nếu hồ sơ đã đủ các thành phần và bảo đảm về mặt kỹ thuật thì phản hồi tự động xác nhận tổ chức, cá nhân đã gửi thành công và thông báo về thời điểm hệ thống tiếp nhận hồ sơ.
- Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ đăng nhập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và kiểm tra hồ sơ điện tử tổ chức, cá nhân gửi đến. Nội dung kiểm tra hồ sơ bao gồm:
 - Kiểm tra tính chính xác của thông tin tại mẫu đơn, tờ khai thông qua việc khai thác thông tin, dữ liệu tại các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin cho Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;
 - Kiểm tra thông tin chữ ký số hoặc chữ ký điện tử để đảm bảo tính xác thực, tính hợp lệ, chính xác, nguyên vẹn đối với các thành phần hồ sơ được đăng tải, dẫn nguồn, các thành phần

hồ sơ theo yêu cầu chứng thực điện tử; việc kiểm tra chữ ký số hoặc chữ ký điện tử được thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.

c) Tra cứu, khai thác thông tin về thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

3. Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo quy trình quy định tại Chương III Nghị định số 118/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Những thông tin, thành phần hồ sơ được nêu tại mục 2 ở trên sau khi được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và ghi nhận tính chính xác được lưu giữ tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Việc tiếp nhận, giải quyết đối với thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến chủ động được thực hiện theo quy định Luật Chuyển đổi số, Luật Dữ liệu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật này.

Các quy định trên có hiệu lực từ ngày 5/8/2026.

Nguồn: vietnamplus.vn

MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG

Chính phủ ban hành Nghị định 309/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP.

Theo quy định mới tại Nghị định 309/2026/NĐ-CP, Cổng Dịch vụ công quốc gia là cổng tích hợp thông tin và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tình hình giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thống nhất toàn quốc; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp các dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Khuyến khích triển khai ki-ốt thông minh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công

Nhằm cụ thể hóa nguyên tắc chuyển đổi số, cắt giảm thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp nhờ khai thác dữ liệu đã được số hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm thúc đẩy chuyển đổi số một cách toàn diện, giảm phiền hà, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính; đảm bảo thực hiện nguyên tắc người dân chỉ phải cung cấp thông tin, dữ liệu một lần và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc khai thác dữ liệu từ các

cơ sở dữ liệu sẵn có để giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, Nghị định 309/2026/NĐ-CP bổ sung khoản 2a, 2b sau khoản 2 Điều 4 quy định về nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông như sau:

“2a. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố, kết nối chia sẻ theo quy định. Trường hợp không khai thác được dữ liệu do sự cố, thảm họa hoặc thông tin chưa chính xác để giải quyết thủ tục hành chính thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung thông tin, giấy tờ cần thiết theo quy định.”

“2b. Khuyến khích cơ quan, tổ chức triển khai ki-ốt thông minh tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Điểm tiếp nhận và trả kết quả để hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiếp cận, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo việc sử dụng ki-ốt thông minh không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.”

Thay đổi một số quy định về tổ chức Bộ phận Một cửa ở cấp bộ, cấp tỉnh

Nghị định 309/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 7 tổ chức Bộ phận Một cửa tại cấp bộ như sau:

“b) Đối với cơ quan của trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương, người đứng đầu cơ quan ngành dọc quyết định tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Trường hợp người đứng đầu cơ quan ngành dọc không tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại cơ quan mình thì bố trí cán bộ, công chức, viên chức đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi có cơ quan ngành dọc đặt trụ sở để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính;”.

Đồng thời, Nghị định 309/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7 tổ chức Bộ phận Một cửa tại cấp tỉnh như sau:

“b) Tại các thành phố, căn cứ đặc thù về quản lý dân cư, điều kiện hạ tầng số, đánh giá mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh là tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi là Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp) và quyết định số lượng Chi nhánh, Điểm tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi địa phương.

Trường hợp không lựa chọn mô hình này, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh theo quy định tại điểm a khoản này;”.

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã có không quá 02 Phó Giám đốc

Ngoài ra, Nghị định 309/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 10 quy định người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh như sau:

“c) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp có công chức, viên chức, nhân viên thuộc quản lý của Trung tâm để thực hiện nhiệm vụ; cán bộ, công chức, viên chức do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cơ quan thuộc ngành dọc (nếu có) cử đến; nhân sự của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính công ích, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ để thực hiện công việc hỗ trợ theo hợp đồng lao động được ký kết.”.

Đối với người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, Nghị định 309/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

a) Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã gồm Giám đốc tương đương Trưởng phòng, không quá 02 Phó Giám đốc tương đương Phó Trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã giúp Giám đốc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công;

b) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã có công chức, nhân viên thuộc quản lý của Trung tâm; công chức, viên chức của các phòng chuyên môn; cơ quan thuộc ngành dọc (nếu có) cử đến thực hiện nhiệm vụ; nhân sự của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính công ích, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ để thực hiện công việc hỗ trợ theo hợp đồng lao động được ký kết.”.

Nghị định 309/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 05/8/2026.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP THAM GIA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Chính phủ ban hành Nghị định số 308/2026/NĐ-CP ngày 5/8/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

Nghị định này quy định chi tiết về chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đối tượng, nguồn trích lập, mức trích lập, nhiệm vụ chi của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề

Về chính sách hỗ trợ, Nghị định quy định doanh nghiệp được khuyến khích hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thực hiện các hoạt động sau đây:

- a) Hợp tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, cập nhật công nghệ mới phục vụ hoạt động đào tạo;
- b) Tham gia xây dựng, rà soát, đề xuất cập nhật danh mục ngành, nghề đào tạo; chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, giáo trình, học liệu số, phương pháp đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- c) Đầu tư, tài trợ, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, nền tảng số, học liệu số và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;
- d) Tổ chức đào tạo, đặt hàng đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động;
- đ) Tiếp nhận nhà giáo, học sinh, sinh viên đến tham quan, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; cử chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, bồi dưỡng nhà giáo và cập nhật công nghệ mới;
- e) Tham gia đánh giá kết quả học tập, đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá chuẩn đầu ra và các hoạt động bảo đảm, kiểm định chất lượng đào tạo;
- g) Hỗ trợ ươm tạo ý tưởng khởi nghiệp, hỗ trợ tư vấn, cố vấn, chia sẻ kinh nghiệm cho học sinh, sinh viên trong hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; cấp học bổng, hỗ trợ chi phí đào tạo cho người học;
- h) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng nghề mới; đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững;
- i) Triển khai các hoạt động hợp tác đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng thời, doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và pháp luật có liên quan.

Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; đào tạo các ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa

Nhà nước hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế thực hiện theo đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm

2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm, các quy định về giáo dục nghề nghiệp, việc làm và pháp luật có liên quan.

Đồng thời, hỗ trợ đào tạo các ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa thông qua việc người lao động của doanh nghiệp được đào tạo miễn phí tại các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể, việc hỗ trợ đào tạo (không bao gồm tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền đi lại) đối với người lao động thuộc ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và pháp luật có liên quan về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

Tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu

Nghị định quy định doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề được xét tôn vinh, khen thưởng. Doanh nghiệp hằng năm có trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp và sử dụng tối thiểu hết 70% quỹ hằng năm cho hoạt động giáo dục, đào tạo là một trong những tiêu chí được Nhà nước xem xét tôn vinh, khen thưởng.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chí, tiêu chuẩn doanh nghiệp được tôn vinh, khen thưởng theo thẩm quyền.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan, tổ chức trung ương, địa phương quyết định việc tổ chức xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng.

Hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét tôn vinh, khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NGHIÊN CỨU, THỬ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM CHO CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Ngày 04/8/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ký Quyết định số 1483/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược” (Đề án).

Mục tiêu của Đề án nhằm phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia hiện đại, đồng bộ, kết nối và khai thác dùng chung trên phạm vi toàn quốc, tập trung vào các công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và sản phẩm công nghệ chiến lược; trong đó một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiệm cận trình độ các nước phát triển. Từng bước hình thành năng lực quốc gia về nghiên cứu, thử

nghiệm, đo lường, kiểm định, đánh giá sự phù hợp, sản xuất thử và thương mại hóa công nghệ; góp phần nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ, phát triển công nghệ chiến lược và tăng cường tự chủ công nghệ quốc gia.

Đến năm 2030, làm chủ tối thiểu 10 công nghệ lõi phục vụ trực tiếp sản phẩm công nghệ chiến lược

Phấn đấu đến năm 2030, nâng cấp, đầu tư mới và đưa vào vận hành tối thiểu 08 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia ưu tiên định hướng trong các lĩnh vực công nghệ số, mạng di động thế hệ sau, robot và tự động hóa, sinh học và y sinh tiên tiến, năng lượng và vật liệu tiên tiến, an ninh mạng và lượng tử, biển, đại dương và lòng đất, hàng không và vũ trụ; tối thiểu 04 trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm quốc gia ưu tiên định hướng trong các lĩnh vực thiết bị bay không người lái, sinh học và y sinh, vật liệu, đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị.

Làm chủ tối thiểu 10 công nghệ lõi phục vụ trực tiếp sản phẩm công nghệ chiến lược và các bài toán lớn quốc gia.

Tăng trưởng trung bình tối thiểu 18%/năm về số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược tính từ năm thứ ba kể từ khi đưa vào vận hành chính thức theo quy định.

Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ của các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; hình thành ít nhất 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ có khả năng phát triển, làm chủ và thương mại hóa công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược.

Hình thành và duy trì mối liên kết chặt chẽ giữa mỗi trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia với ít nhất một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hoặc cụm liên kết viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước; bảo đảm kết quả nghiên cứu, thử nghiệm gắn với nhu cầu thị trường, quốc phòng, an ninh; phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Mục tiêu đến năm 2035, tiếp tục nâng cấp, đầu tư, hình thành hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia hiện đại; kết nối với các mạng lưới hạ tầng nghiên cứu tiên tiến trong khu vực và quốc tế; có một số trung tâm thử nghiệm, phòng thí nghiệm đạt trình độ hàng đầu trong khu vực về lĩnh vực công nghệ chiến lược.

Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nền; cơ bản đáp ứng nhu cầu trong nước về nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá và sản xuất thử đối với sản phẩm công nghệ chiến lược; thúc đẩy chuyển giao, thương mại hóa, hỗ trợ doanh nghiệp và lan tỏa công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

6 nhiệm vụ, giải pháp

Đề án đưa ra 06 nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như sau: (1) Xây dựng các văn bản phục vụ công tác quản lý, vận hành; (2) Đổi mới cơ chế đầu tư về tài chính; (3) Quản trị, tổ chức vận

hành và khai thác dùng chung; (4) Phát triển nguồn nhân lực; (5) Hợp tác quốc tế; (6) Giám sát, đánh giá hệ thống.

Về xây dựng các văn bản phục vụ công tác quản lý, vận hành, Đề án yêu cầu:

Xây dựng, ban hành tiêu chí lựa chọn các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược.

Xây dựng chỉ số đánh giá hiệu quả định lượng để giám sát, đánh giá kết quả đầu ra của hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

Xây dựng, ban hành quy định về hoạt động, cơ chế vận hành dùng chung của các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

Đồng thời, rà soát và ban hành quy định về tổ chức, mô hình quản trị, cơ chế thành lập mới, tổ chức lại, giao quản lý và vận hành hệ thống; cơ chế cho phép các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia được sử dụng các nguồn tài chính từ dịch vụ theo quy định để tái đầu tư và khoản chi hợp lý khác; cơ chế tuyển dụng, chi trả lương cho người lao động cơ hữu và chuyên gia làm việc tại hệ thống theo mức lương thỏa thuận, gắn với vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện.

Về đổi mới cơ chế đầu tư và tài chính, Đề án nêu rõ: Thực hiện đầu tư theo vòng đời, bảo đảm đồng bộ hạ tầng, trang thiết bị, nguồn nhân lực và điều kiện quản lý, vận hành; việc lựa chọn, nâng cấp và đầu tư mới phải căn cứ yêu cầu phát triển công nghệ chiến lược, nhu cầu, khoảng trống năng lực, khả năng khai thác dùng chung và cam kết kết quả đầu ra; chỉ đầu tư mới khi hạ tầng hiện có không thể đáp ứng thông qua nâng cấp, kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung hoặc thuê dịch vụ.

Huy động, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác; áp dụng cơ chế đồng đầu tư, phương thức đối tác công tư khi phù hợp và huy động doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp dẫn dắt ngành tham gia đầu tư, đặt hàng nghiên cứu, thử nghiệm, khai thác kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật.

Sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động của hệ thống để phục vụ vận hành, bảo trì, nâng cấp và tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

Đặt hàng hoặc tài trợ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, thử nghiệm, đánh giá công nghệ mới cho các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia có năng lực phù hợp.

Nguồn: baochinhpvu.vn

QUY ĐỊNH MỚI VỀ TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC

Chính phủ ban hành Nghị định số 300/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận vào làm công chức

Trong đó, Nghị định số 300/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định 170/2025/NĐ-CP về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận vào làm công chức.

1. Đối tượng

Theo quy định mới, căn cứ vào nhu cầu sử dụng nhân lực đáp ứng được ngay yêu cầu công việc, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng xem xét, tiếp nhận vào làm công chức đối với các đối tượng sau:

- Chuyên gia, nhà khoa học, luật gia, luật sư giỏi, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài khu vực công lập theo chính sách thu hút đối với người có tài năng;
- Viên chức;
- Người hưởng lương trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, tổ chức cơ yếu mà không phải là công chức;
- Người đang giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Người đã từng là cán bộ, công chức sau đó được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác mà không phải là cán bộ, công chức;
- Người được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao làm việc trong các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;
- Đội viên Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020, sau khi kết thúc Đề án tiếp tục ký hợp đồng lao động làm việc tại xã.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận:

Căn cứ vào tỷ lệ công chức cần bố trí theo từng vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong cơ quan sử dụng công chức, chỉ tiêu biên chế được giao và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với các trường hợp quy định tại 1 ở trên nếu đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển công chức quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

b) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 hoặc đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật, đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng, của pháp luật;

c) Trường hợp quy định tại điểm a mục 1 phải có kết quả, sản phẩm, công trình, sáng kiến hoặc giải pháp khoa học được ứng dụng thực tế, đem lại hiệu quả rõ rệt, phù hợp và đáp ứng ngay yêu cầu của vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận; là người có uy tín được cộng đồng khoa học, cơ quan quản lý chuyên ngành công nhận;

d) Trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, e và điểm g mục 1 ở trên phải có đủ 05 năm công tác trở lên làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận.

Thời gian công tác quy định tại điểm này là thời gian liên tục trước khi tiếp nhận làm công việc ở trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (không tính thời gian tập sự, thử việc, nếu có), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và được xếp lương tương ứng với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận. Riêng đối với trường hợp quy định tại điểm d và điểm g mục 1 không yêu cầu bắt buộc phải xếp lương tương ứng.

Trường hợp có thời gian công tác ở các vị trí việc làm quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g mục 1 hoặc ở vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 52/2019/QH14) thì được cộng dồn nếu bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại điểm này.

Công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận là công việc gắn với chuyên ngành đào tạo, có yêu cầu sử dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn phù hợp với bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận;

Trường hợp quy định tại điểm đ mục 1 phải có văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ và không phải đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác 05 năm quy định tại điểm d mục 2.

Xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức

Nghị định số 300/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 20 về xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức như sau:

Người được tuyển dụng, tiếp nhận vào vị trí việc làm xếp ngạch công chức nào thì được xếp hưởng mức lương khởi điểm của ngạch đó, trừ trường hợp quy định ở dưới:

Trường hợp người được tuyển dụng vào làm công chức đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ thì được cộng dồn), được bố trí làm công việc theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng căn cứ thời gian công tác đó để

xem xét, quyết định xếp vào bậc lương phù hợp ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tuyển dụng.

Trường hợp người được tiếp nhận vào làm công chức có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ thì được cộng dồn), làm công việc phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm được tiếp nhận thì thời gian công tác đó được tính làm căn cứ xếp lương ở ngạch công chức tương ứng theo vị trí việc làm được tiếp nhận.

Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xếp lương đối với các trường hợp quy định ở trên.

Xếp lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm

Bên cạnh đó, Nghị định 300/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 24 về xếp lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm như sau:

Công chức khi thay đổi vị trí việc làm mới thì được xếp lương ở ngạch tương ứng với vị trí việc làm đó. Thời gian hưởng lương ở ngạch công chức tương đương hoặc cao hơn ngạch hiện giữ được tính làm căn cứ xếp lương ở ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm mới.

Xếp lương đối với trường hợp được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ:

Căn cứ vào hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới;

Trường hợp có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch hiện giữ lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng của ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng ở ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng.

Xếp lương đối với trường hợp được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức cùng thứ bậc chuyên môn, nghiệp vụ với ngạch hiện giữ:

Trường hợp ngạch hiện giữ và ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới có cùng hệ số bậc lương thì xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch hiện giữ;

Trường hợp ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới có hệ số lương cùng bậc cao hơn ngạch hiện giữ thì căn cứ vào hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới;

Trường hợp ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới có hệ số lương cùng bậc thấp hơn ngạch hiện giữ thì xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch hiện giữ sang ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng.

Xếp lương đối với trường hợp được bổ nhiệm, bổ trí vào vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ thấp hơn ngạch hiện giữ:

Trường hợp công chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo kết quả theo dõi, đánh giá thường xuyên hoặc xếp loại chất lượng không hoàn thành nhiệm vụ theo kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm thì căn cứ vào bậc lương đã giữ ở ngạch thấp hơn tương ứng với vị trí việc làm mới và thời gian hưởng lương ở ngạch cao hơn so với ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới để xếp lương ở vị trí việc làm mới;

Trường hợp công chức có đơn tự nguyện thay đổi vị trí việc làm và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì xếp lương theo quy định ở trên và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng.

Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm

Ngoài ra, Nghị định 300/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 29 về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm như sau:

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, của pháp luật và tiêu chuẩn cụ thể của chức vụ, chức danh bổ nhiệm theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Đối với nhân sự từ nguồn tại chỗ phải được quy hoạch vào chức vụ, chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức vụ, chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự nguồn từ nơi khác phải được quy hoạch chức vụ, chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện về nguồn nhân sự trong quy hoạch, thành tích, sản phẩm, kết quả cụ thể và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được thành lập mới hoặc do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại hình thành cơ quan, tổ chức, đơn vị mới mà chưa thực hiện việc phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

3. Trường hợp được bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm liền kề hoặc chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ dự kiến bổ nhiệm ít nhất là 01 năm (12 tháng), nếu không liên tục thì được cộng dồn (chỉ cộng dồn đối với thời gian giữ chức vụ tương đương).

Trường hợp trước khi bổ nhiệm đã có thời gian giữ chức vụ, chức danh được xác định là chức vụ, chức danh cao hơn, bằng, tương đương hoặc thấp hơn liền kề chức vụ dự kiến bổ nhiệm thì thời gian đó được tính vào thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương để cộng dồn; không áp dụng đối với trường hợp thôi giữ chức vụ do bị xử lý kỷ luật.

Trường hợp đặc biệt chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ, chức danh thấp hơn liền kề thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định trên cơ sở đánh giá khách quan thành tích, sản phẩm, kết quả cụ thể.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh.

5. Được cấp có thẩm quyền nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm gần nhất.

6. Có kinh nghiệm công tác, kinh nghiệm quản lý, điều hành, thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với vị trí dự kiến bổ nhiệm; trường hợp bổ nhiệm nhân sự nguồn từ nơi khác thì thành tích, kết quả, sản phẩm cụ thể phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm.

7. Điều kiện về tuổi bổ nhiệm:

a) Công chức được đề nghị bổ nhiệm lần đầu giữ chức vụ quản lý hoặc được đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải đủ tuổi để công tác trọn thời hạn bổ nhiệm. Thời điểm tính tuổi bổ nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. Trường hợp đặc biệt không đủ tuổi để công tác trọn thời hạn bổ nhiệm thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định trên cơ sở đánh giá khách quan thành tích, sản phẩm, kết quả cụ thể;

b) Công chức được bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ, chức danh hiện đảm nhiệm thì không tính điều kiện về tuổi bổ nhiệm theo quy định tại điểm a mục này

8. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.

9. Không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Đang trong thời hạn xử lý kỷ luật;

c) Đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật theo quy định của cấp có thẩm quyền;

d) Đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), giải quyết khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán; đang bị tạm đình chỉ công tác;

đ) Đang bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;

e) Thuộc trường hợp khác chưa xem xét bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

10. Các điều kiện khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Nghị định 300/2026/NĐ-CP này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/8/2026.

Nguồn: baocinhphu.vn

TỪ 01/9/2026, TRẺ DƯỚI 6 TUỔI ĐƯỢC LÀM THẺ CĂN CƯỚC NGAY TRONG QUY TRÌNH KHAI SINH LIÊN THÔNG

Chính phủ ban hành Nghị định số 301/2026/NĐ-CP ngày 30/7/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú,

cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

Trả ngay kết quả từng thủ tục hành chính sau khi giải quyết xong

Cụ thể, Nghị định số 301/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 5 và khoản 7 Điều 4 Nghị định số 63/2024/NĐ-CP về nguyên tắc thực hiện quy trình liên thông điện tử theo hướng quy định rõ ràng những vấn đề bảo đảm an toàn trong thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu; quy định trường hợp khi xảy ra sự cố kỹ thuật do việc thực hiện liên thông điện tử. Đồng thời, quy định việc trả ngay kết quả giải quyết thủ tục hành chính sau khi hoàn thành việc giải quyết từng thủ tục hành chính, không chờ đến khi kết thúc việc giải quyết toàn bộ các thủ tục trong quy trình liên thông mới trả kết quả để đảm bảo thuận lợi cho người dân, tổ chức.

Sửa đổi thủ tục giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh

Nghị định số 301/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2024/NĐ-CP về giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 6 tuổi theo hướng hoàn thiện quy định về quy trình giải quyết hồ sơ nhằm bảo đảm đồng bộ với việc triển khai trên môi trường điện tử thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và ứng dụng VNeID. Theo đó, việc giải quyết hồ sơ đăng ký khai sinh (tại khoản 1) được thực hiện như sau:

Sau khi hồ sơ đăng ký khai sinh điện tử được Cổng Dịch vụ công quốc gia chuyển tới Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp và được Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp đồng bộ hồ sơ về Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp thì người thực hiện công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiệp vụ đăng ký khai sinh trên Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp.

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Người thực hiện công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiệp vụ đăng ký khai sinh trên Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp và chuyển thông tin đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cấp Số định danh cá nhân. Thời gian giải quyết đăng ký khai sinh trong 24 giờ kể từ khi Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Sau khi có kết quả đăng ký khai sinh, Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp tự động chuyển bản điện tử Giấy khai sinh đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp, sau đó Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia để hoàn thiện và chuyển hồ sơ điện tử của các thủ tục hành chính tiếp theo trong quy trình liên thông và gửi kết quả cho người yêu cầu.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đủ điều kiện giải quyết: Người thực hiện công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thao tác trên Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp để gửi thông tin trạng thái hồ sơ đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp, sau đó Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp thông báo cho người yêu cầu qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng VNeID hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó nêu rõ lý do đối với các trường hợp hồ sơ bị từ chối giải quyết hoặc nêu rõ loại giấy tờ, nội

dung cần bổ sung trong thời gian không quá 24 giờ kể từ thời điểm nhận được hồ sơ điện tử trên hệ thống.

Trường hợp cần bổ sung thành phần hồ sơ thì người yêu cầu có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ trong 07 ngày làm việc, nếu quá thời hạn này không bổ sung thì người thực hiện công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thao tác trên Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp để dừng xử lý do không bổ sung theo quy định. Thông tin về việc dừng xử lý được gửi đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp để thông báo cho người yêu cầu qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng VNeID hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Việc liên thông điện tử giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cấp số định danh cá nhân, thực hiện trên các hệ thống, phần mềm nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, Bộ Công an.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phát sinh liên quan đến cấp số định danh cá nhân, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, xử lý và trả kết quả xử lý trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận các vướng mắc từ Bộ Tư pháp, cơ quan đăng ký hộ tịch.

Đáng chú ý, Nghị định cũng bổ sung điểm d sau điểm c khoản 1 quy định thực hiện hỗ trợ tài chính cho phụ nữ khi sinh con. Theo đó, sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời xem xét, quyết định việc hỗ trợ tài chính khi sinh con và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con theo quy định pháp luật dân số.

Sửa đổi quy trình giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú

Đối với thủ tục giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2024/NĐ-CP được sửa đổi như sau:

Sau khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp chuyển bản điện tử Giấy khai sinh sang Cổng Dịch vụ công quốc gia, sau đó Cổng Dịch vụ công quốc gia phân tách, chuyển hồ sơ điện tử (bao gồm biểu mẫu, tờ khai người yêu cầu đã kê khai, bản điện tử Giấy khai sinh) đến Hệ thống thông tin quản lý cư trú để thực hiện đăng ký thường trú.

Các thông tin xác nhận đồng ý của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp, của cha, mẹ hoặc người giám hộ được thực hiện qua ứng dụng VNeID hoặc qua quy trình nghiệp vụ của ngành công an. Thông báo về việc thực hiện quy trình xác nhận được gửi đến tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng VNeID hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng Dịch vụ công quốc gia. Thời hạn xác nhận qua ứng dụng VNeID không quá 05 ngày làm việc.

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Cán bộ công an thực hiện các nghiệp vụ đăng ký thường trú trên Hệ thống thông tin quản lý cư trú của ngành công an. Thời gian giải quyết đăng ký thường trú không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ điện tử đối với trường hợp: con về với cha, mẹ và cha, mẹ là chủ hộ, đồng thời là chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp; con về với cha, mẹ nhưng cha, mẹ không phải là chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp. Đối với các trường hợp khác yêu cầu phải xác minh theo quy định của Luật Cư trú thì thời hạn giải quyết

không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ điện tử, thông tin xác nhận qua ứng dụng VNeID.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định: Cơ quan đăng ký quản lý cư trú thực hiện thông báo cho người yêu cầu qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng VNeID hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó nêu rõ lý do đối với các trường hợp hồ sơ không được tiếp nhận, các thành phần hồ sơ cần bổ sung trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ điện tử trên hệ thống.

Đặc biệt, Nghị định số 301/2026/NĐ-CP đã bổ sung quy định (tại khoản 3a trước khoản 3 Điều 8) về việc cấp thẻ căn cước cho trẻ em dưới 6 tuổi khi người yêu cầu có đề nghị cấp thẻ căn cước cho trẻ trong quy trình liên thông nhóm thủ tục "Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế", trong đó quy định về trình tự, cách thức chuyển dữ liệu điện tử giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp, Hệ thống thông tin quản lý cư trú và Hệ thống cấp, sản xuất và quản lý căn cước; thời gian đồng bộ dữ liệu, thời gian phản hồi trạng thái tiếp nhận hồ sơ giữa các hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp, xử lý hồ sơ liên thông điện tử; và việc tích hợp thông tin Giấy khai sinh, thẻ bảo hiểm y tế vào thẻ căn cước và tài khoản định danh điện tử của trẻ em theo quy định của pháp luật về căn cước.

Nguồn: vietnamplus.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Nghị quyết của Quốc hội

- Phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm đối với ông Nguyễn Tiến Hải, quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ nhiệm kỳ 2026 - 2031

- Phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn nhiệm chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Đỗ Thanh Bình để nhận nhiệm vụ khác.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1428/QĐ-TTg, điều động, bổ nhiệm ông Nguyễn Hoàng Long, Thứ trưởng Bộ Công Thương giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

- Quyết định số 1431/QĐ-TTg, điều động, bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hoàng Vân, Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

- Quyết định số 1492/QĐ-TTg thành lập Hội đồng cấp Nhà nước xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ đợt 7.

Theo Quyết định, Chủ tịch Hội đồng là Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân.

Phó Chủ tịch Hội đồng là ông Trần Hồng Thái - Giáo sư, Tiến sĩ, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và ông Lê Văn Lợi - Giáo sư, Tiến sĩ, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

- Quyết định số 1479/QĐ-TTg, phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Lê Trí Thanh, Phó Bí thư Thành ủy Huế nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Quyết định số 1486/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Lương Tuấn Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Xây dựng.

* Tỉnh Quảng Trị

- Ông Lê Anh Đức, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, giữ chức Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Ông Nguyễn Ngọc Quý, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc Sở Xây dựng Quảng Trị, được điều động, bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Ông Nguyễn Thanh Bình, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị, được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Ông Võ Phong Luân và ông Trương Hữu Hiếu, Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị, được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu

tư xây dựng Công trình dân dụng, công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Ông Mai Văn Minh, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy, thôi giữ chức Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Tuyên Hóa; điều động, bổ nhiệm ông Mai Văn Minh giữ chức Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Ông Đinh Khánh Hậu, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị, được điều động, bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Điều động, chỉ định ông Trần Hoài Nam, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị, tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị.

*** Tỉnh Cà Mau**

- Bà Nguyễn Hồng Nhung, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau, được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Ông Huỳnh Ngọc Linh, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau, giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y tế. Ông Từ Hoàng Ân, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau, đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

Nguồn: Tổng hợp từ baocinhphu.vn và vov.vn